

Số: 651/QĐ-ĐHLĐXH

Hà Nội, ngày 6 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận và cấp Giấy chứng nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh cho sinh viên đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-LĐTBXH ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1264/QĐ-LĐTBXH ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ sở Sơn Tây trực thuộc Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-LĐTBXH ngày 08/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc kiện toàn cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 2906/QĐ-ĐHLĐXH ngày 31/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1803/QĐ-ĐHLĐXH ngày 25/12/2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội công bố chuẩn đầu ra các ngành đào tạo hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 1167/QĐ-ĐHLĐXH ngày 20/6/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc ban hành Quy định công nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh cho sinh viên đại học hệ chính quy của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 966/QĐ-ĐHLĐXH ngày 28/4/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc thành lập Hội đồng thi và xét công nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh cho sinh viên đại học hệ chính quy;

Căn cứ Biên bản họp xét công nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh cho sinh viên chính quy ngày 25/3/2022 của Hội đồng thi và xét công nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh cho sinh viên đại học hệ chính quy;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp Giấy chứng nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh cho 1641 sinh viên đại học hệ chính quy dự thi đợt tháng 1,2,3/2022, trong đó:

* Khoá 11 (2015-2019): 67 sinh viên, cụ thể như sau:

- + Ngành Bảo hiểm: 09 sinh viên;
- + Ngành Công tác xã hội: 11 sinh viên;
- + Ngành Kế toán: 18 sinh viên;
- + Ngành Quản trị kinh doanh: 14 sinh viên;
- + Ngành Quản trị nhân lực: 15 sinh viên.

* Khoá 12 (2016-2020): 218 sinh viên, cụ thể như sau:

- + Ngành Bảo hiểm: 26 sinh viên;
- + Ngành Công tác xã hội: 34 sinh viên;
- + Ngành Kế toán: 49 sinh viên;

- + Ngành Quản trị kinh doanh: 44 sinh viên;
- + Ngành Quản trị nhân lực: 65 sinh viên.
- * Khoa 13 (2017-2021): 541 sinh viên, cụ thể như sau:
 - + Ngành Bảo hiểm: 43 sinh viên;
 - + Ngành Công tác xã hội: 75 sinh viên;
 - + Ngành Kế toán: 166 sinh viên;
 - + Ngành Luật kinh tế: 40 sinh viên;
 - + Ngành Quản trị kinh doanh: 62 sinh viên;
 - + Ngành Quản trị nhân lực: 133 sinh viên;
 - + Ngành Tâm lý học: 13 sinh viên;
 - + Ngành Kinh tế: 9 sinh viên.
- * Khoa 14 (2018-2022): 665 sinh viên, cụ thể như sau:
 - + Ngành Bảo hiểm: 22 sinh viên;
 - + Công tác xã hội: 22 sinh viên;
 - + Ngành Kế toán: 205 sinh viên;
 - + Ngành Luật kinh tế: 73 sinh viên;
 - + Ngành Quản trị kinh doanh: 128 sinh viên;
 - + Ngành Quản trị nhân lực: 179 sinh viên;
 - + Ngành Tâm lý học: 8 sinh viên;
 - + Ngành Kinh tế: 28 sinh viên.
- * Khoa 15 (2019-2023): 137 sinh viên, cụ thể như sau:
 - + Ngành Bảo hiểm: 6 sinh viên;
 - + Công tác xã hội: 1 sinh viên;
 - + Ngành Kế toán: 41 sinh viên;
 - + Ngành Luật kinh tế: 12 sinh viên;
 - + Ngành Quản trị kinh doanh: 41 sinh viên;
 - + Ngành Quản trị nhân lực: 35 sinh viên;
 - + Ngành Tâm lý học: 1 sinh viên.
- * Khoa 16 (2020-2024): 12 sinh viên, cụ thể như sau:
 - + Ngành Bảo hiểm: 1 sinh viên;
 - + Ngành Kế toán: 4 sinh viên;
 - + Ngành Luật kinh tế: 1 sinh viên;
 - + Ngành Tài chính: 1 sinh viên;
 - + Ngành Quản trị nhân lực: 5 sinh viên.
- * Khoa 17 (2021-2025): 1 sinh viên, cụ thể như sau:
 - + Ngành Quản trị nhân lực: 1 sinh viên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp, Trường phòng Quản lý Đào tạo, Trường phòng Kế toán - Tài chính, Trường các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Trường;
- Lưu: VT, P.QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG
BẠI HỌC
LAO ĐỘNG
XÃ HỘI
 TS. Hà Xuân Hùng



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH
ĐỢT THI THÁNG 1,2,3 NĂM 2022**

*(Kèm theo Quyết định số 651 /QĐ-ĐHLĐXH ngày 6/04/2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)*

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
1	ĐẠI HỌC KHÓA 11					
1	1111030004	Nguyễn Quỳnh Anh	14/08/1997	D11BH1	Bảo hiểm	655
2	1111030032	Phạm Thị Thanh	24/11/1997	D11BH1	Bảo hiểm	480
3	1111030083	Phạm Thị Ngọc Anh	30/10/1997	D11BH2	Bảo hiểm	450
4	1111030142	Hoàng Thị Yến	05/02/1997	D11BH2	Bảo hiểm	675
5	1111030126	Trần Văn Thái	18/02/1997	D11BH2	Bảo hiểm	675
6	1111030226	Vũ Thị Minh Hà	21/11/1997	D11BH4	Bảo hiểm	480
7	1111030236	Hà Thị Hương	15/04/1997	D11BH4	Bảo hiểm	600
8	1111030297	Trần Hạnh Dung	13/02/1997	D11BH5	Bảo hiểm	705
9	1111030325	Vũ Thị Nụ	18/10/1997	D11BH5	Bảo hiểm	625
10	1111040036	Trần Thị Kim Oanh	04/03/1997	D11CT1	Công tác xã hội	585
11	1111040061	Ngô Thanh Thảo	03/03/1997	D11CT1	Công tác xã hội	540
12	1111040053	Lò Thị Ninh	07/02/1997	D11CT1	Công tác xã hội	655
13	1111040003	Nguyễn Duy Anh	28/04/1997	D11CT1	Công tác xã hội	570
14	1111040089	Trương Văn Đăng	26/02/1997	D11CT2	Công tác xã hội	685
15	1111040134	Vân Thị Thắm	26/06/1997	D11CT2	Công tác xã hội	555
16	1111040261	Nguyễn Thị Giang	16/10/1997	D11CT4	Công tác xã hội	595
17	1111040424	Nguyễn Mạnh Cường	03/08/1996	D11CT6	Công tác xã hội	710
18	1111040446	Nguyễn Thị Lệ	23/12/1997	D11CT6	Công tác xã hội	575
19	1111040469	Nguyễn Hoài Thu	31/10/1997	D11CT6	Công tác xã hội	655
20	1111040474	Mai Thị Ngọc Trâm	22/02/1997	D11CT6	Công tác xã hội	520
21	1111020037	Lò Thị Huyền	12/09/1997	D11KT1	Kế toán	710
22	1111020122	Lê Thị Linh	06/12/1997	D11KT2	Kế toán	670
23	1111020138	Vũ Thị Ánh Nguyệt	04/04/1997	D11KT2	Kế toán	555
24	1111020141	Nguyễn Văn Sơn	27/07/1997	D11KT2	Kế toán	415

Sr	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
25	1111020121	Vũ Thị Liên	05/12/1997	D11KT2	Kế toán	625
26	1111020166	Nguyễn Thị Chiến	10/08/1997	D11KT3	Kế toán	540
27	1111020220	Hoàng Thị Phương Thảo	25/04/1997	D11KT3	Kế toán	655
28	1111020231	Vì Thùy Tiên	11/11/1996	D11KT3	Kế toán	635
29	1111020212	Nguyễn Thị Nguyệt	05/09/1997	D11KT3	Kế toán	615
30	1111020282	Đàm Thị Phương Ly	05/01/1997	D11KT4	Kế toán	715
31	1111020307	Đào Thị Thủy Tiên	18/07/1997	D11KT4	Kế toán	730
32	1111020353	Phan Thanh Ngân	11/01/1997	D11KT5	Kế toán	600
33	1111020360	Nguyễn Thị Lan Phương	08/10/1997	D11KT5	Kế toán	420
34	1111020400	Thành Thị Ngọc Anh	04/05/1997	D11KT6	Kế toán	420
35	1111020484	Trần Thị Hương Giang	21/03/1997	D11KT7	Kế toán	475
36	1111020500	Nguyễn Khánh Huyền	06/10/1997	D11KT7	Kế toán	775
37	1111020514	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	21/01/1997	D11KT7	Kế toán	655
38	1111020641	Nguyễn Thị Thủy Dương	02/11/1997	D11KT9	Kế toán	825
39	1111050049	Trần Khánh Linh	14/08/1997	D11QK1	Quản trị kinh doanh	475
40	1111050033	Nguyễn Thị Mai Hoa	21/11/1997	D11QK1	Quản trị kinh doanh	930
41	1111050082	Lê Thị Minh Anh	22/01/1997	D11QK2	Quản trị kinh doanh	720
42	1111050145	Lê Thị Thảo	23/08/1997	D11QK2	Quản trị kinh doanh	525
43	1111050096	Ngô Thị Thu Hà	25/11/1997	D11QK2	Quản trị kinh doanh	585
44	1111050157	Nguyễn Sỹ Tông	16/06/1997	D11QK2	Quản trị kinh doanh	855
45	1111050188	Vương Đình Hoàn	26/04/1997	D11QK3	Quản trị kinh doanh	450
46	1111050211	Chu Thị Quỳnh Nga	22/07/1997	D11QK3	Quản trị kinh doanh	900
47	1111050209	Phan Diệu Mai	14/08/1997	D11QK3	Quản trị kinh doanh	535
48	1111050199	Phan Ích Khải	19/09/1996	D11QK3	Quản trị kinh doanh	570
49	1111050205	Trần Thị Mỹ Linh	08/06/1997	D11QK3	Quản trị kinh doanh	645
50	1111050162	Đào Yến Anh	06/05/1997	D11QK3	Quản trị kinh doanh	540
51	1111050313	Đỗ Thị Thu Trang	24/10/1997	D11QK4	Quản trị kinh doanh	475
52	1111010030	Nguyễn Ngọc Hưng	26/11/1997	D11QL1	Quản trị nhân lực	450
53	1111010063	Trần Thị Thanh Thanh	19/10/1997	D11QL1	Quản trị nhân lực	645
54	1111010258	Vũ Thị Hằng	20/12/1997	D11QL4	Quản trị nhân lực	600
55	1111010402	Trần Hằng Anh	22/08/1997	D11QL6	Quản trị nhân lực	565
56	1111010429	Đào Thị Huyền	28/06/1997	D11QL6	Quản trị nhân lực	540

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
57	1111010440	Đỗ Hương Ly	13/08/1997	D11QL6	Quản trị nhân lực	565
58	1111010451	Nguyễn Ánh Ngọc	17/12/1997	D11QL6	Quản trị nhân lực	535
59	1111010457	Vũ Lê Sơn	02/11/1997	D11QL6	Quản trị nhân lực	420
60	1111010415	Trần Hương Giang	14/11/1997	D11QL6	Quản trị nhân lực	575
61	1111010437	Đào Kim Loan	01/01/1997	D11QL6	Quản trị nhân lực	555
62	1111010424	Lưu Khánh Hồng	28/09/1997	D11QL6	Quản trị nhân lực	575
63	1111010504	Tạ Thị Hồng Huệ	27/04/1997	D11QL7	Quản trị nhân lực	600
64	1111010594	Hà Thị Mai	13/12/1997	D11QL8	Quản trị nhân lực	420
65	1111010652	Nguyễn Quang Hưng	08/09/1997	D11QL9	Quản trị nhân lực	570
66	1111010692	Hoàng Hương Trà	29/12/1997	D11QL9	Quản trị nhân lực	445
67	1111050401	Lưu Nguyễn Quỳnh Hương	25/09/1997	D11ST-QK06	Quản trị kinh doanh	710

II ĐẠI HỌC KHÓA 12

68	1112030006	Nguyễn Thị Bích Nguyệt	05/12/1998	D12BH01	Bảo hiểm	745
69	1112030021	Thiều Thị Hằng	25/12/1997	D12BH01	Bảo hiểm	600
70	1112030023	Trần Thị Trà My	01/06/1998	D12BH01	Bảo hiểm	765
71	1112030047	Phạm Minh Tuấn	12/03/1998	D12BH01	Bảo hiểm	655
72	1112030066	Hoàng Thị Phương	27/10/1998	D12BH01	Bảo hiểm	685
73	1112030089	Mai Thị Thủy Linh	04/09/1998	D12BH02	Bảo hiểm	570
74	1112030099	Lâm Hoàng Tùng	07/05/1997	D12BH02	Bảo hiểm	655
75	1112030126	Đỗ Thị Ngọc Ánh	07/06/1998	D12BH02	Bảo hiểm	760
76	1112030158	Hoàng Thị Nhung	31/12/1998	D12BH03	Bảo hiểm	515
77	1112030162	Ngô Thị Đan	07/11/1998	D12BH03	Bảo hiểm	890
78	1112030163	Vũ Anh Xuân	14/01/1998	D12BH03	Bảo hiểm	420
79	1112030169	Quách Thị Dung	31/12/1998	D12BH03	Bảo hiểm	405
80	1112030175	Phạm Hồng Nhung	11/05/1998	D12BH03	Bảo hiểm	425
81	1112030189	Nguyễn Khánh Mai	16/08/1998	D12BH03	Bảo hiểm	645
82	1112030192	Vũ Ngọc Ánh Hồng Quỳnh	28/01/1998	D12BH03	Bảo hiểm	540
83	1112030197	Lê Công Minh	10/09/1998	D12BH03	Bảo hiểm	420
84	1112030215	Lưu Phạm Minh Anh	27/12/1998	D12BH03	Bảo hiểm	685
85	1112030218	Trần Xuân Toàn	28/12/1998	D12BH03	Bảo hiểm	645
86	1112030015	Lê Huỳnh Đức	02/02/1998	D12BH04	Bảo hiểm	635
87	1112030032	Vũ Lê Nhật	08/04/1997	D12BH04	Bảo hiểm	480

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
88	1112030053	Nguyễn Thị Thu Hoài	16/05/1998	D12BH04	Bảo hiểm	705
89	1112030173	Đinh Thị Thu Vân	23/10/1998	D12BH04	Bảo hiểm	475
90	1112030202	Phạm Thị Thủy	24/10/1998	D12BH04	Bảo hiểm	625
91	1112030212	Nguyễn Ngân Hà	02/10/1998	D12BH04	Bảo hiểm	653
92	1112030213	Châu Phương Nam	09/04/1998	D12BH04	Bảo hiểm	585
93	1112030217	Hoàng Thị Quỳnh Trang	12/10/1998	D12BH04	Bảo hiểm	695
94	1112040011	Nông Lê Thu	09/02/1998	D12CT01	Công tác xã hội	620
95	1112040013	Hoàng Công Đức	25/10/1997	D12CT01	Công tác xã hội	665
96	1112040015	Hoàng Thị Mai Thị	03/01/1998	D12CT01	Công tác xã hội	675
97	1112040023	Lương Thị Phím	06/08/1998	D12CT01	Công tác xã hội	655
98	1112040035	Lê Đức Lộc	17/09/1998	D12CT01	Công tác xã hội	580
99	1112040054	Phùng Thị Minh Huyền	01/12/1998	D12CT01	Công tác xã hội	715
100	1112040060	Vũ Hương Thảo	23/03/1998	D12CT01	Công tác xã hội	480
101	1112040076	Nguyễn Đình Hoài	13/11/1998	D12CT02	Công tác xã hội	480
102	1112040118	Nông Thế Chiến	10/06/1998	D12CT02	Công tác xã hội	475
103	1112040125	Khuong Văn Tùng	03/08/1998	D12CT02	Công tác xã hội	550
104	1112040138	Phí Thị Thu Hương	25/12/1997	D12CT02	Công tác xã hội	430
105	1112040144	Đinh Thị Kim Xuyên	24/01/1997	D12CT02	Công tác xã hội	590
106	1112040155	Vũ Thị Mơ	26/12/1998	D12CT03	Công tác xã hội	760
107	1112040157	Đặng Thanh Phong	15/01/1997	D12CT03	Công tác xã hội	595
108	1112040167	Đào Thị Thủy Hằng	07/11/1998	D12CT03	Công tác xã hội	655
109	1112040185	Hoàng Quý Lâm	07/07/1997	D12CT03	Công tác xã hội	455
110	1112040186	Nguyễn Thị Mai	21/07/1998	D12CT03	Công tác xã hội	655
111	1112040193	Nguyễn Văn Nghi	02/05/1998	D12CT03	Công tác xã hội	525
112	1112040213	Phạm Thị Thu Trang	20/10/1998	D12CT03	Công tác xã hội	420
113	1112040236	Phạm Thị Nhật Anh	07/02/1997	D12CT04	Công tác xã hội	525
114	1112040254	Nguyễn Thị Trung	17/05/1998	D12CT04	Công tác xã hội	655
115	1112040283	Vương Thị Hải Yến	16/07/1998	D12CT04	Công tác xã hội	645
116	1112040291	Bàn Ngọc Linh	02/01/1998	D12CT04	Công tác xã hội	485
117	1112040303	Lê Thị Hằng	01/07/1998	D12CT05	Công tác xã hội	625
118	1112040314	Lê Minh Đức	12/04/1995	D12CT05	Công tác xã hội	580
119	1112040323	Mu Quốc Thái	21/09/1998	D12CT05	Công tác xã hội	625

Sr	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TONIC
120	1112040353	Trần Khánh Duy	28/08/1998	D12CT05	Công tác xã hội	475
121	1112040359	Nguyễn Đức Tùng	28/12/1998	D12CT05	Công tác xã hội	450
122	1112040366	Bùi Văn Tùng	21/01/1996	D12CT05	Công tác xã hội	715
123	1112040370	Hạ Văn Quyết	22/07/1998	D12CT05	Công tác xã hội	665
124	1112020010	Phạm Hương Giang	22/11/1998	D12KT01	Kế toán	405
125	1112020012	Nguyễn Thị Tuyết	03/06/1998	D12KT01	Kế toán	420
126	1112020021	Đặng Thị Tô Anh	05/02/1998	D12KT01	Kế toán	540
127	1112020038	Hoàng Hồng Ngọc	18/06/1998	D12KT01	Kế toán	625
128	1112020039	Nguyễn Thị Loan	18/02/1998	D12KT01	Kế toán	625
129	1112020047	Nguyễn Thị Phương	25/01/1998	D12KT01	Kế toán	455
130	1112020051	Nguyễn Ngọc Huyền	06/08/1998	D12KT01	Kế toán	540
131	1112020060	Tạ Thị Bích Thảo	05/01/1998	D12KT01	Kế toán	845
132	1112020104	Bùi Tuyết Mai	19/12/1998	D12KT02	Kế toán	885
133	1112020106	Phạm Thị Thu Trang	26/03/1998	D12KT02	Kế toán	430
134	1112020128	Đào Mai Thu	18/06/1998	D12KT02	Kế toán	715
135	1112020135	Lê Thị Huyền Trang	23/10/1998	D12KT02	Kế toán	450
136	1112020153	Lê Thị Diệp Linh	28/07/1998	D12KT03	Kế toán	480
137	1112020154	Nguyễn Thị Hà Trang	18/08/1998	D12KT03	Kế toán	475
138	1112020159	Đinh Thị Loan	17/02/1998	D12KT03	Kế toán	450
139	1112020181	Bùi Thị Thanh Hải	17/07/1998	D12KT03	Kế toán	420
140	1112020206	Cao Thị Linh	25/11/1998	D12KT03	Kế toán	480
141	1112020229	Phạm Thị Thanh Thảo	16/09/1998	D12KT04	Kế toán	540
142	1112020260	Nguyễn Thu Trang	08/08/1998	D12KT04	Kế toán	595
143	1112020261	Nguyễn Thị Thơm	01/03/1998	D12KT04	Kế toán	595
144	1112020279	Lưu Thị Dung	09/06/1998	D12KT04	Kế toán	540
145	1112020284	Phạm Thị Mai	21/05/1998	D12KT04	Kế toán	695
146	1112020285	Nguyễn Thị Hằng	18/03/1998	D12KT04	Kế toán	425
147	1112020297	Huỳnh Thị Nga	12/04/1997	D12KT04	Kế toán	740
148	1112020298	Trần Thị Anh Đào	17/09/1998	D12KT04	Kế toán	420
149	1112020331	Trần Thị Hưng	11/08/1998	D12KT04	Kế toán	800
150	1112020320	Đào Thị Hoàn	16/04/1998	D12KT05	Kế toán	655
151	1112020363	Đổng Thị Hương Hiền	31/07/1998	D12KT05	Kế toán	360

Sr.	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
152	1112020370	Trần Trọng Hiếu	25/10/1998	D12KT05	Kế toán	500
153	1112020437	Nguyễn Tài Anh	03/03/1998	D12KT06	Kế toán	420
154	1112020438	Nguyễn Thị Minh	21/12/1998	D12KT06	Kế toán	760
155	1112020439	Vũ Thảo Linh	03/11/1998	D12KT06	Kế toán	710
156	1112020460	Vương Thủy Quỳnh	08/09/1998	D12KT07	Kế toán	480
157	1112020463	Trần Thị Ly	08/04/1998	D12KT07	Kế toán	640
158	1112020467	Quách Thị Hoa	12/12/1998	D12KT07	Kế toán	645
159	1112020474	Nhiêm Thu Trang	20/09/1998	D12KT07	Kế toán	625
160	1112020478	Phạm Thị Hoa	11/05/1998	D12KT07	Kế toán	540
161	1112020499	Triệu Tiên Đạt	24/12/1997	D12KT07	Kế toán	540
162	1112020526	Nguyễn Diệu Linh	27/05/1998	D12KT08	Kế toán	540
163	1112020543	Nguyễn Huyền Trang	15/08/1998	D12KT08	Kế toán	655
164	1112020612	Dương Thị Hồng	30/12/1998	D12KT09	Kế toán	600
165	1112020637	Lê Hà Vi	01/09/1998	D12KT09	Kế toán	625
166	1112020644	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	04/06/1998	D12KT09	Kế toán	450
167	1112020653	Lê Hoài Nam	29/08/1998	D12KT09	Kế toán	415
168	1112020659	Trần Thị Ngọc Hà	28/11/1998	D12KT09	Kế toán	530
169	1112020671	Phạm Thị Lành	07/10/1998	D12KT09	Kế toán	420
170	1112020674	Nguyễn Thị Thu Trang	15/05/1998	D12KT09	Kế toán	510
171	1112020722	Nguyễn Thị Linh	13/11/1998	D12KT10	Kế toán	595
172	1112050009	Đoàn Ngọc Dương	19/05/1998	D12QK01	Quản trị kinh doanh	820
173	1112050016	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	04/10/1998	D12QK01	Quản trị kinh doanh	695
174	1112050022	Thái Thị Minh Phương	06/09/1998	D12QK01	Quản trị kinh doanh	585
175	1112050035	Nguyễn Văn Tiến	20/10/1998	D12QK01	Quản trị kinh doanh	695
176	1112050068	Trần Thị Thu Huyền	05/10/1998	D12QK01	Quản trị kinh doanh	800
177	1112050082	Lê Thị Hải Yến	30/08/1998	D12QK02	Quản trị kinh doanh	805
178	1112050083	Lâm Thị Hạnh	06/01/1997	D12QK02	Quản trị kinh doanh	480
179	1112050094	Phạm Thùy Linh	19/02/1998	D12QK02	Quản trị kinh doanh	715
180	1112050097	Đặng Thị Thủy Linh	30/11/1998	D12QK02	Quản trị kinh doanh	635
181	1112050107	Nguyễn Lê Văn Linh	04/10/1998	D12QK02	Quản trị kinh doanh	740
182	1112050114	Nguyễn Mạnh Cường	01/04/1998	D12QK02	Quản trị kinh doanh	540
183	1112050115	Lê Khánh Linh	08/07/1998	D12QK02	Quản trị kinh doanh	655

SST	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
184	1112050118	Ngô Thị Khánh	29/05/1998	D12QK02	Quản trị kinh doanh	715
185	1112050124	Trần Thị Thanh Hằng	30/12/1998	D12QK02	Quản trị kinh doanh	530
186	1112050133	Nguyễn Thị Trinh	01/04/1998	D12QK02	Quản trị kinh doanh	520
187	1112050139	Vũ Minh Tiến	12/07/1998	D12QK02	Quản trị kinh doanh	755
188	1112050141	Nguyễn Minh Tuấn	08/04/1998	D12QK02	Quản trị kinh doanh	595
189	1112050148	Đào Thị Tô Quyền	23/05/1998	D12QK03	Quản trị kinh doanh	480
190	1112050171	Trần Minh Tú	20/02/1998	D12QK03	Quản trị kinh doanh	705
191	1112050172	Trần Thị Trinh	13/01/1998	D12QK03	Quản trị kinh doanh	525
192	1112050177	Nguyễn Thị Trang	29/07/1998	D12QK03	Quản trị kinh doanh	510
193	1112050185	Thần Trọng Tiến	11/10/1998	D12QK03	Quản trị kinh doanh	655
194	1112050189	Huang Văn Sơn	14/06/1997	D12QK03	Quản trị kinh doanh	625
195	1112050197	Nguyễn Thị Hạnh	21/02/1998	D12QK03	Quản trị kinh doanh	655
196	1112050218	Nguyễn Thị Hiền Mai	14/11/1998	D12QK03	Quản trị kinh doanh	710
197	1112050228	Nguyễn Quang Minh	23/07/1998	D12QK04	Quản trị kinh doanh	565
198	1112050238	Nguyễn Tiến Nam	22/01/1998	D12QK04	Quản trị kinh doanh	655
199	1112050239	Phạm Diệu Linh	19/12/1998	D12QK04	Quản trị kinh doanh	760
200	1112050241	Nghiêm Thị Lan Hương	11/01/1998	D12QK04	Quản trị kinh doanh	480
201	1112050262	Vũ Thị Bích Ngọc	05/10/1998	D12QK04	Quản trị kinh doanh	480
202	1112050267	Vũ Thị Thủy	31/10/1997	D12QK04	Quản trị kinh doanh	480
203	1112050272	Trần Thị Quỳnh Phương	04/04/1998	D12QK04	Quản trị kinh doanh	540
204	1112050290	Vũ Thị Thơm	02/06/1998	D12QK04	Quản trị kinh doanh	570
205	1112050297	Bùi Thị Hân	13/02/1998	D12QK04	Quản trị kinh doanh	475
206	1112050304	Trần Thị Diệu Linh	20/05/1998	D12QK05	Quản trị kinh doanh	630
207	1112050309	Đỗ Khánh Huyền	06/03/1998	D12QK05	Quản trị kinh doanh	655
208	1112050311	Trần Văn Hào	10/07/1998	D12QK05	Quản trị kinh doanh	450
209	1112050316	Nguyễn Văn Năm	22/04/1998	D12QK05	Quản trị kinh doanh	570
210	1112050320	Lê Hà Phương	06/03/1997	D12QK05	Quản trị kinh doanh	565
211	1112050329	Nguyễn Thị Nga	27/08/1996	D12QK05	Quản trị kinh doanh	670
212	1112050338	Lê Tuấn Hiếu	25/03/1998	D12QK05	Quản trị kinh doanh	480
213	1112050343	Lê Minh Đức	10/01/1998	D12QK05	Quản trị kinh doanh	490
214	1112050368	Lê Đại Đức Hiền	02/04/1998	D12QK05	Quản trị kinh doanh	475
215	1112050374	Lê Hữu Minh	12/10/1998	D12QK05	Quản trị kinh doanh	475

SST	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
216	1112010007	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	02/11/1998	D12QL01	Quản trị nhân lực	580
217	1112010019	Vũ Thị Phương Anh	10/11/1998	D12QL01	Quản trị nhân lực	610
218	1112010035	Nguyễn Thành Trung	18/09/1998	D12QL01	Quản trị nhân lực	515
219	1112010045	Khuất Thị Thủy Hiền	11/03/1998	D12QL01	Quản trị nhân lực	435
220	1112010065	Trần Thị Khánh Huyền	03/07/1998	D12QL01	Quản trị nhân lực	565
221	1112010069	Huỳnh Thị Ngọc Anh	27/01/1998	D12QL01	Quản trị nhân lực	455
222	1112010070	Nguyễn Thanh Thủy	28/08/1998	D12QL01	Quản trị nhân lực	710
223	1112010074	Nguyễn Thị Huyền	18/11/1998	D12QL02	Quản trị nhân lực	480
224	1112010118	Nguyễn Diệu Linh	02/02/1998	D12QL02	Quản trị nhân lực	480
225	1112010129	Đàm Thị Thanh An	07/08/1998	D12QL02	Quản trị nhân lực	480
226	1112010145	Đoàn Thị Hoa	30/09/1998	D12QL02	Quản trị nhân lực	820
227	1112010151	Lê Thị Như	11/08/1998	D12QL03	Quản trị nhân lực	540
228	1112010170	Lê Kim Tuyền	28/03/1998	D12QL03	Quản trị nhân lực	760
229	1112010198	Trần Văn Thái	27/10/1998	D12QL03	Quản trị nhân lực	420
230	1112010231	Hoàng Thị Trà Giang	14/12/1997	D12QL04	Quản trị nhân lực	790
231	1112010244	Ngô Thị Phương Anh	05/07/1998	D12QL04	Quản trị nhân lực	545
232	1112010255	Nguyễn Thảo Linh	07/08/1998	D12QL04	Quản trị nhân lực	480
233	1112010266	Nguyễn Thị Duyên	26/03/1996	D12QL04	Quản trị nhân lực	450
234	1112010271	Nguyễn Thị Phương Thảo	27/09/1998	D12QL04	Quản trị nhân lực	620
235	1112010272	Hoàng Thị Lý	10/09/1998	D12QL04	Quản trị nhân lực	595
236	1112010292	Phan Thu Huyền	17/02/1997	D12QL04	Quản trị nhân lực	820
237	1112010299	Lý Thu Huyền	01/08/1998	D12QL05	Quản trị nhân lực	660
238	1112010320	Lương Thu Hiền	12/08/1998	D12QL05	Quản trị nhân lực	770
239	1112010324	Phạm Hoàng Vĩnh Lộc	18/03/1998	D12QL05	Quản trị nhân lực	745
240	1112010342	Nguyễn Đức Bảo	04/03/1998	D12QL05	Quản trị nhân lực	550
241	1112010343	Đặng Thu Dung	20/11/1998	D12QL05	Quản trị nhân lực	405
242	1112010344	Nguyễn Mạnh Quỳnh	30/06/1998	D12QL05	Quản trị nhân lực	525
243	1112010358	Lê Hạnh Chi	02/07/1998	D12QL05	Quản trị nhân lực	570
244	1112010359	Nguyễn Đức Vũ	18/09/1998	D12QL05	Quản trị nhân lực	525
245	1112010368	Vũ Hồng Phương	08/09/1998	D12QL05	Quản trị nhân lực	525
246	1112010374	Ngô Thị Linh	13/04/1998	D12QL05	Quản trị nhân lực	455
247	1112010382	Trần Thủy Trang	04/11/1998	D12QL06	Quản trị nhân lực	435

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
248	1112010385	Nguyễn Hải Nam	06/04/1998	D12QL06	Quản trị nhân lực	680
249	1112010397	Phạm Thị Thương	26/03/1997	D12QL06	Quản trị nhân lực	480
250	1112010430	Nguyễn Doãn Thị Linh	04/03/1998	D12QL06	Quản trị nhân lực	635
251	1112010432	Tổng Thị Vân	24/06/1998	D12QL06	Quản trị nhân lực	485
252	1112010455	Nguyễn Thị Trà My	15/06/1998	D12QL07	Quản trị nhân lực	695
253	1112010465	Luong Thế Long	28/09/1998	D12QL07	Quản trị nhân lực	480
254	1112010519	Hoàng Thị Thu Quyên	13/02/1998	D12QL07	Quản trị nhân lực	425
255	1112010530	Đỗ Thị Tuyền	29/10/1997	D12QL08	Quản trị nhân lực	655
256	1112010531	Lê Thị Thu	02/10/1998	D12QL08	Quản trị nhân lực	760
257	1112010534	Trần Quang Huy	04/08/1998	D12QL08	Quản trị nhân lực	600
258	1112010538	Đài Thu Huyền	12/01/1998	D12QL08	Quản trị nhân lực	595
259	1112010541	Lê Thị Thanh Loan	17/08/1998	D12QL08	Quản trị nhân lực	635
260	1112010544	Nguyễn Thị Lệ Thủy	17/09/1998	D12QL08	Quản trị nhân lực	605
261	1112010545	Thiều Thị Phương	10/03/1998	D12QL08	Quản trị nhân lực	625
262	1112010555	Phan Thị Phương Thuận	04/08/1997	D12QL08	Quản trị nhân lực	420
263	1112010558	Nguyễn Huyền Trang	15/10/1998	D12QL08	Quản trị nhân lực	595
264	1112010561	Nguyễn Thị Huyền Trang	20/07/1998	D12QL08	Quản trị nhân lực	540
265	1112010564	Vũ Thị Phương Liên	02/10/1998	D12QL08	Quản trị nhân lực	420
266	1112010570	Vũ Anh Quân	14/06/1998	D12QL08	Quản trị nhân lực	540
267	1112010582	Vũ Thị Linh	24/08/1998	D12QL08	Quản trị nhân lực	595
268	1112010597	Nguyễn Thị Hồng Nhung	05/02/1998	D12QL08	Quản trị nhân lực	455
269	1112010606	Vũ Duy Nam	28/09/1998	D12QL09	Quản trị nhân lực	535
270	1112010612	Tổng Nguyễn Phong	24/09/1998	D12QL09	Quản trị nhân lực	465
271	1112010625	Nguyễn Ngọc Huyền	01/12/1998	D12QL09	Quản trị nhân lực	600
272	1112010628	Nguyễn Thủy Dung	04/08/1998	D12QL09	Quản trị nhân lực	565
273	1112010644	Lê Thị Hồng	05/03/1998	D12QL09	Quản trị nhân lực	425
274	1112010649	Lê Phương Anh	23/10/1998	D12QL09	Quản trị nhân lực	420
275	1112010657	Trương Khánh Linh	19/05/1998	D12QL09	Quản trị nhân lực	810
276	1112010658	Nguyễn Thị Thu Huyền	01/10/1998	D12QL09	Quản trị nhân lực	455
277	1112010664	Nguyễn Việt Hà	07/06/1997	D12QL09	Quản trị nhân lực	635
278	1112010665	Cao Hương Giang	08/06/1998	D12QL09	Quản trị nhân lực	715
279	1112040385	Phạm Thị Trang	02/09/1997	D12STCT01	Công tác xã hội	585

Số	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
280	1112040388	Nông Thanh Toàn	02/04/1997	D12STCT01	Công tác xã hội	595
281	1112040392	Bùi Thị Ngọc Anh	27/06/1998	D12STCT01	Công tác xã hội	480
282	1112040394	Giảng Thị Ké	01/12/1997	D12STCT01	Công tác xã hội	710
283	1112010690	Kiều Kim Ngân	25/01/1998	D12STKT01	Kế toán	780
284	1112010681	Nguyễn Thị Thủy Trang	04/01/1998	D12STQL01	Quản trị nhân lực	645
285	1112010687	Trần Thị Thu Hoài	11/07/1998	D12STQL01	Quản trị nhân lực	600

III. ĐẠI HỌC KHÓA 13

286	1113030004	Trần Thị Thu Huyền	13/12/1999	D13BH01	Bảo hiểm	425
287	1113030012	Lê Thị Nghĩa	26/12/1999	D13BH01	Bảo hiểm	425
288	1113030015	Nguyễn Thủy Hằng	16/10/1999	D13BH01	Bảo hiểm	475
289	1113030022	Đặng Thị Ngọc Anh	02/03/1999	D13BH01	Bảo hiểm	540
290	1113030027	Nguyễn Thị Nga	13/10/1999	D13BH01	Bảo hiểm	635
291	1113030028	Nông Thị Ngọc Ly	01/06/1999	D13BH01	Bảo hiểm	855
292	1113030035	Lê Thị Ngọc Ánh	27/02/1999	D13BH01	Bảo hiểm	540
293	1113030037	Lê Thị Ngọc Anh	04/11/1999	D13BH01	Bảo hiểm	645
294	1113030041	Vũ Thị Bích Ngọc	31/05/1999	D13BH01	Bảo hiểm	730
295	1113030042	Nguyễn Thị Trang	21/10/1998	D13BH01	Bảo hiểm	695
296	1113030046	Phùng Thị Huyền Trang	11/03/1999	D13BH01	Bảo hiểm	655
297	1113030053	Lê Thị Thu Hiền	05/08/1999	D13BH01	Bảo hiểm	545
298	1113030056	Nguyễn Thị Mai Hương	12/04/1999	D13BH01	Bảo hiểm	480
299	1113030057	Nguyễn Việt Hùng	29/07/1999	D13BH01	Bảo hiểm	455
300	1113030065	Đoàn Phương Anh	27/11/1998	D13BH01	Bảo hiểm	480
301	1113030072	Nguyễn Thị Ly	08/08/1998	D13BH01	Bảo hiểm	620
302	1113030142	Nguyễn Thị Lan	28/05/1999	D13BH01	Bảo hiểm	570
303	1113030076	Phạm Thị Trang	11/08/1999	D13BH02	Bảo hiểm	415
304	1113030078	Nguyễn Văn Chiến	10/10/1999	D13BH02	Bảo hiểm	685
305	1113030090	Đinh Thị Văn Anh	25/07/1999	D13BH02	Bảo hiểm	550
306	1113030098	Đoàn Mạnh Lâm	05/08/1999	D13BH02	Bảo hiểm	525
307	1113030099	Trần Thiên Trang	14/10/1999	D13BH02	Bảo hiểm	570
308	1113030106	Trần Nguyễn Ánh Ngọc	04/12/1999	D13BH02	Bảo hiểm	685
309	1113030109	Lại Thị Thúy	12/10/1999	D13BH02	Bảo hiểm	480
310	1113030115	Nguyễn Công Khánh	04/05/1994	D13BH02	Bảo hiểm	450

Sst	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
311	1113030117	Hoàng Tuấn Anh	19/07/1999	D13BH02	Bảo hiểm	525
312	1113030119	Nguyễn Thu Huyền	10/05/1999	D13BH02	Bảo hiểm	420
313	1113030123	Trần Đình Hoàn	25/12/1999	D13BH02	Bảo hiểm	480
314	1113030133	Vì Cẩm Vân	26/08/1999	D13BH02	Bảo hiểm	420
315	1113030134	Mai Thị An	05/04/1999	D13BH02	Bảo hiểm	635
316	1113030014	Nguyễn Thị Minh Thư	18/02/1999	D13BH03	Bảo hiểm	585
317	1113030127	Nguyễn Thị Hiền	18/05/1999	D13BH03	Bảo hiểm	410
318	1113030141	Đỗ Tô Hằng	18/03/1999	D13BH03	Bảo hiểm	500
319	1113030157	Đoàn Minh Châu	24/07/1999	D13BH03	Bảo hiểm	535
320	1113030159	Vũ Thị Thu Hương	23/09/1999	D13BH03	Bảo hiểm	615
321	1113030160	Vũ Thị Thu Huyền	23/09/1999	D13BH03	Bảo hiểm	425
322	1113030164	Lê Xuân Hải	21/08/1999	D13BH03	Bảo hiểm	600
323	1113030171	Lê Diệu Quỳnh	06/12/1999	D13BH03	Bảo hiểm	450
324	1113030174	Nguyễn Thị Thạch Thảo	12/01/1997	D13BH03	Bảo hiểm	575
325	1113030181	Ngô Huy Hoàng	28/04/1998	D13BH03	Bảo hiểm	445
326	1113030190	Nguyễn Kim Dung	25/10/1999	D13BH03	Bảo hiểm	480
327	1113030193	Nguyễn Thị Hương Ly	28/11/1999	D13BH03	Bảo hiểm	625
328	1113030202	Nguyễn Bá Thị Hương	23/12/1999	D13BH03	Bảo hiểm	450
329	1113040009	Điền Thị Thanh Thủy	28/12/1999	D13CT01	Công tác xã hội	595
330	1113040017	Bê Nhật Tân	22/06/1998	D13CT01	Công tác xã hội	425
331	1113040021	Lê Vũ Phương Thảo	22/11/1999	D13CT01	Công tác xã hội	480
332	1113040028	Trần Diệu Linh	02/07/1999	D13CT01	Công tác xã hội	645
333	1113040035	Bùi Huyền Phương	11/06/1999	D13CT01	Công tác xã hội	595
334	1113040045	Nguyễn Tiến Đại	14/01/1999	D13CT01	Công tác xã hội	420
335	1113040056	Nông Minh Trí	22/10/1999	D13CT01	Công tác xã hội	670
336	1113040059	Đào Kim Ngân	12/12/1999	D13CT01	Công tác xã hội	655
337	1113040063	Nguyễn Thu Trang	21/06/1999	D13CT01	Công tác xã hội	455
338	1113040064	Vì Thị Linh	14/02/1999	D13CT01	Công tác xã hội	595
339	1113040065	Lê Thị Minh Hằng	14/07/1999	D13CT01	Công tác xã hội	710
340	1113040068	Trần Ngọc Tâm	12/02/1999	D13CT01	Công tác xã hội	540
341	1113040081	Thái Thị Hồng Vân	08/03/1999	D13CT02	Công tác xã hội	475
342	1113040084	Nguyễn Thùy Dung	06/08/1999	D13CT02	Công tác xã hội	400

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
343	1113040085	Nguyễn Phương Anh	09/09/1999	D13CT02	Công tác xã hội	480
344	1113040089	Lê Thị Thanh Huyền	22/02/1999	D13CT02	Công tác xã hội	685
345	1113040100	Nguyễn Thanh Thảo	30/01/1999	D13CT02	Công tác xã hội	480
346	1113040101	Hà Minh Hồng	21/03/1999	D13CT02	Công tác xã hội	535
347	1113040104	Trần Thu Hiền	03/03/1999	D13CT02	Công tác xã hội	420
348	1113040109	Trần Công Vinh	18/10/1999	D13CT02	Công tác xã hội	480
349	1113040129	Nguyễn Thu Hoài	03/05/1999	D13CT02	Công tác xã hội	475
350	1113040133	Châu Văn Hùng	25/10/1998	D13CT02	Công tác xã hội	525
351	1113040136	Nông Thị Với	18/12/1998	D13CT02	Công tác xã hội	610
352	1113040139	Đỗ Quỳnh Anh	24/06/1999	D13CT02	Công tác xã hội	540
353	1113040155	Nguyễn Thị Nhi	09/02/1999	D13CT02	Công tác xã hội	425
354	1113040160	Đinh Thị Phương	02/07/1998	D13CT02	Công tác xã hội	575
355	1113040162	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	31/12/1999	D13CT03	Công tác xã hội	850
356	1113040168	Nguyễn Phương Thảo	13/05/1998	D13CT03	Công tác xã hội	645
357	1113040170	Phạm Đức Thịnh	26/10/1998	D13CT03	Công tác xã hội	620
358	1113040177	Nguyễn Như Phương	21/04/1999	D13CT03	Công tác xã hội	600
359	1113040179	Lê Thị Hạnh	11/08/1999	D13CT03	Công tác xã hội	755
360	1113040193	Nguyễn Đức Cường	28/10/1999	D13CT03	Công tác xã hội	730
361	1113040194	Nguyễn Diệu Linh	22/10/1999	D13CT03	Công tác xã hội	480
362	1113040195	Bùi Thị Phương Nhi	03/07/1999	D13CT03	Công tác xã hội	405
363	1113040198	Lê Kiều Oanh	22/08/1999	D13CT03	Công tác xã hội	450
364	1113040201	Trương Thị Thu Hà	08/07/1999	D13CT03	Công tác xã hội	575
365	1113040219	Nguyễn Thị Phương	24/12/1999	D13CT03	Công tác xã hội	475
366	1113040224	Nguyễn Thị Ngân	18/10/1999	D13CT04	Công tác xã hội	420
367	1113040227	Nguyễn Thị Mùng	16/03/1999	D13CT04	Công tác xã hội	400
368	1113040231	Lê Huyền Trang	10/01/1999	D13CT04	Công tác xã hội	420
369	1113040234	Nguyễn Thị Thủy	11/05/1999	D13CT04	Công tác xã hội	535
370	1113040235	Trần Thị Thủy Linh	26/02/1999	D13CT04	Công tác xã hội	645
371	1113040239	Lê Tuyết Anh	29/12/1999	D13CT04	Công tác xã hội	660
372	1113040245	Trương Hồng Nhung	17/12/1998	D13CT04	Công tác xã hội	525
373	1113040251	Lương Thị Nga	02/02/1999	D13CT04	Công tác xã hội	515
374	1113040252	Hương Văn Mạnh	16/11/1999	D13CT04	Công tác xã hội	520

SĐT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
375	1113040256	Hoàng Khánh Trinh	03/02/1998	D13CT04	Công tác xã hội	465
376	1113040259	Lê Hồng Hà	27/08/1999	D13CT04	Công tác xã hội	420
377	1113040260	Nông Hữu Lý	05/05/1999	D13CT04	Công tác xã hội	480
378	1113040263	Vũ Thị Mỹ Trinh	15/10/1999	D13CT04	Công tác xã hội	450
379	1113040268	Đoàn Dương Diễm Quỳnh	26/05/1999	D13CT04	Công tác xã hội	675
380	1113040273	Lê Công Hoàng	10/12/1999	D13CT04	Công tác xã hội	645
381	1113040275	Lê Đức Lương	19/12/1999	D13CT04	Công tác xã hội	710
382	1113040279	Phạm Thủy Quỳnh	21/06/1999	D13CT04	Công tác xã hội	420
383	1113040285	Nguyễn Thị Thu Hà	17/02/1999	D13CT04	Công tác xã hội	425
384	1113040289	Mai Hồng Nhung	15/01/1999	D13CT04	Công tác xã hội	570
385	1113040015	Đỗ Ninh Kiều	20/02/1999	D13CT05	Công tác xã hội	420
386	1113040029	Bùi Mạnh Kiên	03/08/1999	D13CT05	Công tác xã hội	475
387	1113040043	Đinh Thị Hoa	10/10/1999	D13CT05	Công tác xã hội	410
388	1113040066	Trương Thị Ngọc Huyền	25/03/1999	D13CT05	Công tác xã hội	715
389	1113040130	Nguyễn Thu Thủy	20/08/1999	D13CT05	Công tác xã hội	655
390	1113040156	Lê Thanh Thủy	22/05/1999	D13CT05	Công tác xã hội	505
391	1113040165	Lê Cẩm Phương Thảo	17/12/1999	D13CT05	Công tác xã hội	525
392	1113040241	Vũ Thị Ngọc Anh	10/09/1999	D13CT05	Công tác xã hội	620
393	1113060003	Nguyễn Thu Thảo	27/03/1999	D13KL01	Kinh tế	595
394	1113060004	Nguyễn Thị Tú Anh	15/07/1999	D13KL01	Kinh tế	510
395	1113060012	Giang Đức Anh	18/09/1999	D13KL01	Kinh tế	820
396	1113060018	Bùi Giang Linh	01/05/1999	D13KL01	Kinh tế	660
397	1113060026	Nguyễn Ngọc Chăm	25/08/1999	D13KL01	Kinh tế	740
398	1113060030	Nguyễn Tấn Đạt	06/06/1999	D13KL01	Kinh tế	540
399	1113060047	Đỗ Thị Thảo	26/03/1999	D13KL01	Kinh tế	655
400	1113060052	Phạm Minh Phương	11/07/1999	D13KL01	Kinh tế	540
401	1113060057	Nguyễn Thị Kim Anh	06/07/1999	D13KL01	Kinh tế	425
402	1113020006	Phạm Thái Dương	04/11/1999	D13KT01	Kế toán	595
403	1113020010	Trần Ngọc Bích	17/07/1999	D13KT01	Kế toán	725
404	1113020016	Dương Thị Thu Hà	01/08/1999	D13KT01	Kế toán	425
405	1113020017	Trần Hương Giang	25/04/1999	D13KT01	Kế toán	420
406	1113020020	Trần Thị Hạnh Ngân	09/07/1999	D13KT01	Kế toán	710



SST	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
407	1113020022	Phạm Xuân Phúc	28/10/1999	D13KT01	Kế toán	535
408	1113020038	Nguyễn Thị Quỳnh	12/09/1999	D13KT01	Kế toán	480
409	1113020051	Kim Tuấn Đức	29/10/1998	D13KT01	Kế toán	425
410	1113020070	Bùi Thị Hương Giang	11/02/1999	D13KT01	Kế toán	420
411	1113020075	Nguyễn Thanh Hiếu	30/06/1999	D13KT01	Kế toán	425
412	1113020083	Nguyễn Minh Hằng	17/02/1999	D13KT02	Kế toán	420
413	1113020086	Nguyễn Kiều Duyên	07/12/1999	D13KT02	Kế toán	540
414	1113020093	Trịnh Thị Hồng Linh	14/05/1999	D13KT02	Kế toán	540
415	1113020095	Phạm Tường Anh	31/01/1999	D13KT02	Kế toán	480
416	1113020098	Vũ Thị Phương Thảo	29/03/1999	D13KT02	Kế toán	745
417	1113020100	Phạm Thị Yến Linh	10/04/1999	D13KT02	Kế toán	595
418	1113020101	Lê Văn Hưng	28/09/1997	D13KT02	Kế toán	430
419	1113020105	Nguyễn Hoài Linh	09/01/1999	D13KT02	Kế toán	535
420	1113020111	Nguyễn Thị Ngân	22/10/1999	D13KT02	Kế toán	605
421	1113020112	Tạ Thị Thủy Dương	01/10/1999	D13KT02	Kế toán	535
422	1113020118	Bùi Thị Phương	24/10/1998	D13KT02	Kế toán	750
423	1113020120	Ngô Thị Thu Hiền	16/09/1999	D13KT02	Kế toán	710
424	1113020123	Lưu Anh Thư	16/04/1999	D13KT02	Kế toán	445
425	1113020134	Tạ Duy Đạt	20/11/1999	D13KT02	Kế toán	630
426	1113020133	Phạm Thu Thủy	17/08/1999	D13KT02	Kế toán	420
427	1113020134	Phạm Ngọc Bích	26/11/1998	D13KT02	Kế toán	880
428	1113020137	Vũ Thị Cúc	28/04/1998	D13KT02	Kế toán	425
429	1113020140	Lê Thị Minh Hòa	24/10/1999	D13KT02	Kế toán	715
430	1113020147	Phạm Thị Phương Liên	15/09/1999	D13KT02	Kế toán	645
431	1113020158	Nguyễn Thảo My	29/10/1999	D13KT03	Kế toán	480
432	1113020161	Nguyễn Thị Hà	18/10/1998	D13KT03	Kế toán	475
433	1113020168	Trần Thị Quỳnh Anh	28/07/1999	D13KT03	Kế toán	640
434	1113020173	Nguyễn Thị Thủy	10/11/1999	D13KT03	Kế toán	655
435	1113020177	Phạm Thu Hiền	22/02/1999	D13KT03	Kế toán	435
436	1113020188	Lê Ngọc Ánh	11/01/1999	D13KT03	Kế toán	480
437	1113020192	Đoàn Lan Anh	18/08/1999	D13KT03	Kế toán	655
438	1113020193	Phạm Hiền Hoà	21/10/1999	D13KT03	Kế toán	540

SĐT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
439	1113020199	Vũ Thị Anh Đào	01/05/1999	D13KT03	Kế toán	475
440	1113020210	Nguyễn Thị Xuân	02/08/1999	D13KT03	Kế toán	780
441	1113020211	Lê Thị Ngọc	20/10/1999	D13KT03	Kế toán	420
442	1113020218	Đoàn Thị Hoài Anh	29/10/1999	D13KT03	Kế toán	480
443	1113020219	Bùi Thị Mỹ Hạnh	22/06/1999	D13KT03	Kế toán	615
444	1113020221	Dương Thị Phương Thảo	24/03/1999	D13KT03	Kế toán	525
445	1113020225	Hoàng Thị Thanh Hoài	28/10/1999	D13KT03	Kế toán	595
446	1113020236	Nguyễn Ngọc Linh	09/09/1999	D13KT04	Kế toán	595
447	1113020239	Nguyễn Khánh Linh	29/09/1999	D13KT04	Kế toán	480
448	1113020246	Bùi Thị Thu Uyên	09/09/1999	D13KT04	Kế toán	625
449	1113020247	Nguyễn Hồng Nhung	07/12/1999	D13KT04	Kế toán	445
450	1113020249	Phạm Trâm Anh	02/06/1999	D13KT04	Kế toán	625
451	1113020250	Nguyễn Thị Diệp Phương	20/10/1999	D13KT04	Kế toán	585
452	1113020253	Chu Thị Hiền Trang	13/04/1999	D13KT04	Kế toán	620
453	1113020255	Đinh Thanh Lâm	23/01/1999	D13KT04	Kế toán	760
454	1113020256	Nguyễn Minh Long	16/08/1999	D13KT04	Kế toán	760
455	1113020258	Nguyễn Phương Trang	23/01/1999	D13KT04	Kế toán	830
456	1113020267	Nguyễn Thu An	17/07/1999	D13KT04	Kế toán	625
457	1113020270	Nguyễn Huyền Trang	29/09/1999	D13KT04	Kế toán	480
458	1113020273	Nguyễn Thị Thanh Nhà	28/03/1999	D13KT04	Kế toán	695
459	1113020275	Nguyễn Quỳnh Trang	30/03/1999	D13KT04	Kế toán	645
460	1113020277	Trần Thị Ngọc Ánh	27/11/1999	D13KT04	Kế toán	435
461	1113020285	Nguyễn Thị Nhung	16/12/1999	D13KT04	Kế toán	540
462	1113020288	Bùi Thị Kiều Chinh	11/01/1999	D13KT04	Kế toán	420
463	1113020289	Đỗ Thị Anh Thư	01/05/1999	D13KT04	Kế toán	635
464	1113020291	Trần Nho Thị Trang	14/12/1999	D13KT04	Kế toán	490
465	1113020300	Nguyễn Thị Bích Hậu	18/09/1999	D13KT04	Kế toán	425
466	1113020301	Đỗ Thị Thủy	11/08/1999	D13KT05	Kế toán	535
467	1113020307	Nguyễn Thu Trang	23/10/1999	D13KT05	Kế toán	710
468	1113020308	Nguyễn Thanh Nga	02/01/1999	D13KT05	Kế toán	420
469	1113020317	Trần Thị Thanh Thủy	14/11/1999	D13KT05	Kế toán	420
470	1113020319	Phạm Thị Huyền	28/05/1999	D13KT05	Kế toán	605



Sr	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
471	1113020321	Hà Thu Trang	18/09/1999	D13KT05	Kế toán	845
472	1113020326	Tạ Hoài Thương	19/01/1998	D13KT05	Kế toán	455
473	1113020327	Đinh Thị Ngọc	08/09/1999	D13KT05	Kế toán	540
474	1113020328	Lê Thị An Tú	15/11/1999	D13KT05	Kế toán	315
475	1113020332	Nguyễn Thị Phương	25/12/1999	D13KT05	Kế toán	760
476	1113020337	Nguyễn Thị Minh Hằng	14/08/1999	D13KT05	Kế toán	670
477	1113020341	Trần Thị Thanh Hiền	09/10/1999	D13KT05	Kế toán	420
478	1113020344	Lê Hải Yến	28/06/1999	D13KT05	Kế toán	425
479	1113020346	Nguyễn Thị Thuận	22/05/1999	D13KT05	Kế toán	820
480	1113020353	Nguyễn Thị Oanh	06/06/1999	D13KT05	Kế toán	535
481	1113020354	Trịnh Thị Diễm	26/09/1999	D13KT05	Kế toán	420
482	1113020360	Trần Mai Trang	29/11/1999	D13KT05	Kế toán	640
483	1113020366	Nguyễn Thị Kiều Trang	01/04/1999	D13KT05	Kế toán	445
484	1113020368	Trần Thị Hoàn	08/12/1999	D13KT05	Kế toán	540
485	1113020370	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	19/10/1999	D13KT05	Kế toán	710
486	1113020372	Hà Thị Ngọc	02/04/1999	D13KT05	Kế toán	900
487	1113020543	Hoàng Thị Hoài	17/09/1998	D13KT05	Kế toán	480
488	1113020375	Vũ Linh Chi	25/06/1999	D13KT06	Kế toán	675
489	1113020378	Phạm Ngọc Tùng	20/10/1993	D13KT06	Kế toán	450
490	1113020381	Nguyễn Thu Hương	26/10/1999	D13KT06	Kế toán	540
491	1113020393	Phùng Thị Nga	17/04/1999	D13KT06	Kế toán	480
492	1113020396	Trần Thị Thủy	06/05/1999	D13KT06	Kế toán	420
493	1113020398	Trần Thị Thu Hà	27/08/1999	D13KT06	Kế toán	605
494	1113020401	Phạm Minh Thủy	27/01/1999	D13KT06	Kế toán	685
495	1113020405	Tạ Thị Hà	13/02/1999	D13KT06	Kế toán	420
496	1113020409	Nguyễn Thị Thanh Huyền	09/10/1999	D13KT06	Kế toán	535
497	1113020412	Hoàng Thị Ánh Hồng	18/01/1999	D13KT06	Kế toán	510
498	1113020415	Lê Kiều Anh	30/09/1999	D13KT06	Kế toán	450
499	1113020425	Phạm Ngọc Hưng	25/09/1999	D13KT06	Kế toán	480
500	1113020428	Phạm Hà Anh	23/02/1999	D13KT06	Kế toán	705
501	1113020429	Nguyễn Việt Hằng	17/05/1999	D13KT06	Kế toán	450
502	1113020432	Phan Thị Sâm	10/07/1999	D13KT06	Kế toán	420

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
503	1113020434	Vũ Thị Trang	14/09/1999	D13KT06	Kế toán	623
504	1113020442	Ngô Thị Quê Anh	09/03/1999	D13KT06	Kế toán	473
505	1113020455	Nguyễn Hồng Quyền	06/06/1999	D13KT07	Kế toán	550
506	1113020462	Tạ Thị Thu Uyên	29/05/1999	D13KT07	Kế toán	420
507	1113020464	Nguyễn Việt Tiến	21/10/1999	D13KT07	Kế toán	990
508	1113020468	Tào Thị Thủy	30/11/1999	D13KT07	Kế toán	420
509	1113020470	Tường Thị Tùng Lâm	03/01/1999	D13KT07	Kế toán	420
510	1113020473	Hoàng Thị Diệu	09/04/1998	D13KT07	Kế toán	695
511	1113020479	Trần Thị Thúy Hiền	25/12/1999	D13KT07	Kế toán	420
512	1113020481	Vũ Huyền Ly	08/04/1999	D13KT07	Kế toán	795
513	1113020486	Phạm Thị Huyền Ly	13/11/1999	D13KT07	Kế toán	450
514	1113020491	Nghiêm Thị Trọng	15/03/1999	D13KT07	Kế toán	420
515	1113020492	Nguyễn Linh Hương	03/12/1999	D13KT07	Kế toán	653
516	1113020493	Nghiêm Thị Giang	30/06/1999	D13KT07	Kế toán	755
517	1113020496	Hoàng Hà Phương	03/12/1999	D13KT07	Kế toán	570
518	1113020500	Nguyễn Phương Anh	20/12/1999	D13KT07	Kế toán	525
519	1113020501	Tạ Kim Loan	16/01/1999	D13KT07	Kế toán	725
520	1113020508	Nguyễn Hà Phương Lan	29/08/1999	D13KT07	Kế toán	610
521	1113020512	Nguyễn Hải Linh	09/03/1999	D13KT07	Kế toán	905
522	1113020515	Dương Thị Hồng Hạnh	11/11/1999	D13KT07	Kế toán	525
523	1113020518	Nguyễn Thu Trang	30/01/1999	D13KT07	Kế toán	770
524	1113020519	Hoàng Thị Thu Hồng	04/11/1999	D13KT07	Kế toán	480
525	1113020520	Nguyễn Thanh Hồng Ngọc	15/07/1999	D13KT07	Kế toán	480
526	1113020521	Vũ Hồng Nhung	23/08/1999	D13KT07	Kế toán	400
527	1113020524	Hoàng Thị Ngọc Anh	24/10/1999	D13KT07	Kế toán	425
528	1113020550	Lê Trung Hiếu	11/09/1999	D13KT08	Kế toán	635
529	1113020564	Nguyễn Thị Thu Hương	23/01/1999	D13KT08	Kế toán	655
530	1113020572	Nguyễn Như Phương	28/09/1999	D13KT08	Kế toán	480
531	1113020573	Nguyễn Thị Phương Thảo	23/09/1999	D13KT08	Kế toán	710
532	1113020577	Nguyễn Thị Thùy Diệu	21/12/1999	D13KT08	Kế toán	420
533	1113020580	Vũ Phương Anh	03/04/1999	D13KT08	Kế toán	540
534	1113020581	Nguyễn Thu Thảo	26/09/1999	D13KT08	Kế toán	425

Sr	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
535	1113020591	Nguyễn Thị Ánh Hồng	10/09/1999	D13KT08	Kế toán	585
536	1113020592	Nguyễn Thị Hương	22/01/1999	D13KT08	Kế toán	855
537	1113020599	Cao Mai Liên	23/03/1999	D13KT08	Kế toán	480
538	1113020602	Trần Thị Nhật Lệ	08/05/1999	D13KT09	Kế toán	695
539	1113020609	Cao Thị Bích Ngọc	31/01/1999	D13KT09	Kế toán	640
540	1113020615	Đào Hồng Nhã	05/09/1999	D13KT09	Kế toán	755
541	1113020618	Đào Thị Phương Loan	15/10/1999	D13KT09	Kế toán	540
542	1113020623	Nguyễn Ngọc Ánh	26/09/1999	D13KT09	Kế toán	595
543	1113020627	Đàm Thúy Quỳnh	27/09/1998	D13KT09	Kế toán	540
544	1113020634	Lê Thu Phương	15/12/1998	D13KT09	Kế toán	565
545	1113020644	Cao Thị Hạnh	25/03/1998	D13KT09	Kế toán	480
546	1113020645	Cầm Thị Liên	25/06/1999	D13KT09	Kế toán	405
547	1113020653	Nguyễn Thị Phương Anh	19/05/1999	D13KT09	Kế toán	480
548	1113020662	Nguyễn Thị Kim Oanh	18/12/1998	D13KT09	Kế toán	570
549	1113020666	Nguyễn Thị Thu Nguyễn Lâm	09/03/1999	D13KT09	Kế toán	420
550	1113020667	Lê Thị Thảo Oanh	28/11/1999	D13KT09	Kế toán	575
551	1113020669	Nguyễn Thị Hoa	29/08/1999	D13KT09	Kế toán	655
552	1113020673	Nguyễn Thị Trang	10/11/1999	D13KT09	Kế toán	625
553	1113020008	Lương Thanh Vân	25/12/1999	D13KT10	Kế toán	585
554	1113020180	Đỗ Thu Huyền	14/01/1999	D13KT10	Kế toán	420
555	1113020220	Trịnh Ngọc Huyền	19/09/1999	D13KT10	Kế toán	405
556	1113020259	Đỗ Thị Phương Anh	26/11/1999	D13KT10	Kế toán	715
557	1113020298	Nguyễn Mai Anh	03/11/1999	D13KT10	Kế toán	425
558	1113020510	Nguyễn Ngọc Hương Ly	10/01/1999	D13KT10	Kế toán	810
559	1113020511	Nguyễn Thị Thanh Mai	16/01/1999	D13KT10	Kế toán	420
560	1113020569	Đỗ Thị Minh Nguyệt	21/06/1999	D13KT10	Kế toán	435
561	1113020680	Đinh Hoàng Hà Ly	23/12/1999	D13KT10	Kế toán	790
562	1113020682	Nguyễn Thị Hạnh	01/08/1999	D13KT10	Kế toán	655
563	1113020685	Thần Thị Thủy	11/04/1999	D13KT10	Kế toán	420
564	1113020687	Đào Mỹ Linh	10/04/1999	D13KT10	Kế toán	680
565	1113020697	Tạ Thị Tuyết	22/11/1999	D13KT10	Kế toán	420
566	1113020704	Nguyễn Thị Dung	04/06/1999	D13KT10	Kế toán	775

SST	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
567	1113020705	Đỗ Thị Tuyết	03/01/1999	D13KT10	Kế toán	595
568	1113070002	Nguyễn Thành Nam	26/10/1999	D13LK01	Luật kinh tế	745
569	1113080005	Triệu Khánh Ly	06/01/1999	D13LK01	Luật kinh tế	710
570	1113080007	Nguyễn Thu Hiền	03/11/1999	D13LK01	Luật kinh tế	430
571	1113080008	Trần Thị Ngọc Trâm	12/09/1999	D13LK01	Luật kinh tế	655
572	1113080009	Nguyễn Bích Diệp	29/08/1999	D13LK01	Luật kinh tế	595
573	1113080014	Đỗ Tuấn Hoàng	22/12/1999	D13LK01	Luật kinh tế	570
574	1113080017	Nguyễn Vũ Quang	19/11/1999	D13LK01	Luật kinh tế	585
575	1113080018	Lê Nguyễn Kiều Trang	24/12/1999	D13LK01	Luật kinh tế	505
576	1113080020	Đào Thu Huyền	16/08/1999	D13LK01	Luật kinh tế	625
577	1113080024	Diệp Hoàng Hoa	30/07/1999	D13LK01	Luật kinh tế	500
578	1113080025	Nguyễn Phương Linh	08/08/1999	D13LK01	Luật kinh tế	645
579	1113080029	Trần Thị Bảo Anh	16/07/1999	D13LK01	Luật kinh tế	680
580	1113080031	Trương Việt Lâm	15/09/1999	D13LK01	Luật kinh tế	620
581	1113080032	Quần Mai Thanh	15/08/1999	D13LK01	Luật kinh tế	535
582	1113080035	Hoàng Hồng Anh	30/07/1997	D13LK01	Luật kinh tế	685
583	1113080039	Đinh Việt Anh	11/06/1999	D13LK01	Luật kinh tế	645
584	1113080040	Nguyễn Thị Hiền	04/01/1998	D13LK01	Luật kinh tế	505
585	1113080043	Trần Hải Nam	14/09/1999	D13LK01	Luật kinh tế	480
586	1113080045	Nguyễn Đức Cường	06/09/1999	D13LK01	Luật kinh tế	655
587	1113080048	Lê Huyền My	21/10/1999	D13LK01	Luật kinh tế	625
588	1113080050	Đinh Vũ Hồng Ngọc	06/12/1999	D13LK01	Luật kinh tế	405
589	1113080072	Phạm Hoài Thương	29/08/1999	D13LK01	Luật kinh tế	480
590	1113080022	Đinh Thanh Hằng	11/02/1999	D13LK02	Luật kinh tế	570
591	1113080053	Nguyễn Thị Thu Hiền	24/12/1999	D13LK02	Luật kinh tế	420
592	1113080056	Nguyễn Thị Hằng Ly	09/02/1998	D13LK02	Luật kinh tế	425
593	1113080060	Lê Khánh Ngọc	11/09/1999	D13LK02	Luật kinh tế	520
594	1113080061	Nguyễn Thành Chung	13/09/1999	D13LK02	Luật kinh tế	585
595	1113080067	Nguyễn Thị Vân Anh	03/11/1999	D13LK02	Luật kinh tế	375
596	1113080068	Nguyễn Vũ Hải Yến	25/04/1999	D13LK02	Luật kinh tế	540
597	1113080071	Trịnh Thị Hồng	10/12/1999	D13LK02	Luật kinh tế	420
598	1113080073	Nguyễn Thị Trang	14/03/1999	D13LK02	Luật kinh tế	445



STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
599	1113080075	Thịnh Phan Linh Chi	25/09/1999	D13LK02	Luật kinh tế	670
600	1113080076	Đào Phương Anh	13/10/1999	D13LK02	Luật kinh tế	540
601	1113080077	Nguyễn Thị Lệ	31/12/1999	D13LK02	Luật kinh tế	610
602	1113080078	Vũ Thị Ngân	07/06/1999	D13LK02	Luật kinh tế	710
603	1113080084	Nguyễn Thanh Bình	23/12/1999	D13LK02	Luật kinh tế	595
604	1113080087	Trần Thanh Tùng	06/06/1999	D13LK02	Luật kinh tế	540
605	1113080091	Nguy Trương Sơn	06/01/1999	D13LK02	Luật kinh tế	810
606	1113080096	Nguyễn Thị Cẩm	07/12/1996	D13LK02	Luật kinh tế	420
607	1113080097	Hà Phương Thảo	11/03/1999	D13LK02	Luật kinh tế	713
608	1113050002	Phạm Thị Kiều Trang	31/10/1999	D13QK01	Quản trị kinh doanh	510
609	1113050018	Vũ Thị Thu Hà	17/10/1999	D13QK01	Quản trị kinh doanh	770
610	1113050021	Nguyễn Lê Mai Anh	01/12/1999	D13QK01	Quản trị kinh doanh	465
611	1113050027	Trần Tiến Minh	22/08/1999	D13QK01	Quản trị kinh doanh	655
612	1113050044	Nguyễn Thị Tuyết	24/12/1999	D13QK01	Quản trị kinh doanh	460
613	1113050053	Nguyễn Thị Linh Phương	10/08/1999	D13QK01	Quản trị kinh doanh	525
614	1113050055	Nguyễn Thu Trang	11/11/1999	D13QK01	Quản trị kinh doanh	570
615	1113050062	Nguyễn Thị Lan Hương	08/08/1999	D13QK01	Quản trị kinh doanh	600
616	1113050063	Đài Thị Mai Lan	14/11/1999	D13QK01	Quản trị kinh doanh	915
617	1113050077	Hoàng Thị Phương	22/01/1999	D13QK02	Quản trị kinh doanh	655
618	1113050093	Lê Thị Minh Thuý	09/07/1999	D13QK02	Quản trị kinh doanh	540
619	1113050096	Ngô Thị Nga	11/12/1999	D13QK02	Quản trị kinh doanh	800
620	1113050099	Nghiêm Hoàng Long	21/10/1999	D13QK02	Quản trị kinh doanh	565
621	1113050104	Lê Thị Văn Anh	06/10/1999	D13QK02	Quản trị kinh doanh	465
622	1113050108	Lê Thị Thu	03/03/1999	D13QK02	Quản trị kinh doanh	535
623	1113050115	Vũ Thị Thu Thảo	20/10/1999	D13QK02	Quản trị kinh doanh	540
624	1113050117	Nguyễn Thị Bằng	06/07/1999	D13QK02	Quản trị kinh doanh	555
625	1113050120	Đặng Thị Hương	01/11/1999	D13QK02	Quản trị kinh doanh	525
626	1113050127	Đỗ Hồng Xuan	12/07/1999	D13QK02	Quản trị kinh doanh	855
627	1113050136	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	02/03/1999	D13QK02	Quản trị kinh doanh	590
628	1113050137	Diễm Thị Thu Trang	17/08/1999	D13QK02	Quản trị kinh doanh	535
629	1113050141	Nguyễn Hồng Phương Anh	24/12/1999	D13QK02	Quản trị kinh doanh	505
630	1113050148	Vũ Minh Giang	25/10/1999	D13QK02	Quản trị kinh doanh	450

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
631	1113050153	Nguyễn Thị Ngọc Nhật	28/05/1999	D13QK03	Quản trị kinh doanh	695
632	1113050154	Lê Thị Nhân	21/05/1999	D13QK03	Quản trị kinh doanh	840
633	1113050158	Phạm Kim Dung	04/11/1999	D13QK03	Quản trị kinh doanh	605
634	1113050161	Hàn Ngọc Tâm	02/07/1999	D13QK03	Quản trị kinh doanh	840
635	1113050165	Đỗ Thị Thu Huyền	07/08/1999	D13QK03	Quản trị kinh doanh	590
636	1113050180	Nguyễn Thị Minh Giang	04/09/1999	D13QK03	Quản trị kinh doanh	545
637	1113050182	Đỗ Thị Minh Ánh	12/11/1999	D13QK03	Quản trị kinh doanh	550
638	1113050187	Vũ Thị Kim Huế	10/08/1999	D13QK03	Quản trị kinh doanh	880
639	1113050200	Trần Thị Hồng Hạnh	15/04/1999	D13QK03	Quản trị kinh doanh	655
640	1113050214	Lê Thị Thu Trang	07/05/1999	D13QK03	Quản trị kinh doanh	655
641	1113050216	Hoàng Việt	23/04/1999	D13QK03	Quản trị kinh doanh	855
642	1113050225	Trần Văn Triệu	13/07/1999	D13QK04	Quản trị kinh doanh	690
643	1113050228	Phạm Diệp Linh	20/11/1999	D13QK04	Quản trị kinh doanh	465
644	1113050229	Vũ Thị Thanh Bình	27/12/1998	D13QK04	Quản trị kinh doanh	730
645	1113050234	Vũ Đỗ Hoàn	05/11/1999	D13QK04	Quản trị kinh doanh	600
646	1113050235	Vũ Thị Ánh Tuyết	04/09/1999	D13QK04	Quản trị kinh doanh	555
647	1113050237	Bùi Thị Phương Nhung	24/08/1999	D13QK04	Quản trị kinh doanh	595
648	1113050242	Trần Quang Huy	17/02/1999	D13QK04	Quản trị kinh doanh	645
649	1113050244	Vũ Thị Lan Anh	20/11/1999	D13QK04	Quản trị kinh doanh	505
650	1113050245	Mai Thị Hương	18/04/1998	D13QK04	Quản trị kinh doanh	500
651	1113050253	Nguyễn Văn Long Vũ	11/01/1999	D13QK04	Quản trị kinh doanh	540
652	1113050260	Phan Tiến Đông	01/03/1999	D13QK04	Quản trị kinh doanh	480
653	1113050271	Đặng Như Hoa	18/07/1999	D13QK04	Quản trị kinh doanh	780
654	1113050281	Trịnh Thủy Quỳnh	28/08/1999	D13QK04	Quản trị kinh doanh	595
655	1113050295	Ngô Thị Tú	02/03/1998	D13QK04	Quản trị kinh doanh	575
656	1113050307	Nguyễn Thị Thảo Ly	03/08/1999	D13QK05	Quản trị kinh doanh	510
657	1113050308	Phạm Quốc Minh	17/09/1999	D13QK05	Quản trị kinh doanh	585
658	1113050318	Phí Thị Thủy	06/11/1999	D13QK05	Quản trị kinh doanh	620
659	1113050335	Lê Đại Trung	24/08/1998	D13QK05	Quản trị kinh doanh	600
660	1113050350	Lê Thị Hồng Vân	17/08/1999	D13QK05	Quản trị kinh doanh	485
661	1113050355	Trần Thị Kiều Trang	13/10/1999	D13QK05	Quản trị kinh doanh	685
662	1113050366	Đinh Thị Hiền	14/05/1999	D13QK05	Quản trị kinh doanh	570



STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
663	1113050031	Tạ Thị Hồng Hà	03/09/1998	D13QK06	Quản trị kinh doanh	595
664	1113050032	Phạm Quốc Hưng	22/04/1999	D13QK06	Quản trị kinh doanh	450
665	1113050257	Nguyễn Lê Quang Long	28/12/1999	D13QK06	Quản trị kinh doanh	715
666	1113050327	Đàm Thị Kim Ngọc	10/01/1999	D13QK06	Quản trị kinh doanh	635
667	1113050377	Lâm Thị Khánh Huyền	30/10/1999	D13QK06	Quản trị kinh doanh	535
668	1113050395	Nguyễn Hương Giang	14/01/1999	D13QK06	Quản trị kinh doanh	595
669	1113050399	Phạm Thị Thơm	08/08/1999	D13QK06	Quản trị kinh doanh	480
670	1113010017	Phạm Thị Trung Anh	22/09/1999	D13QL01	Quản trị nhân lực	470
671	1113010035	Nguyễn Phạm Băng Tâm	04/03/1999	D13QL01	Quản trị nhân lực	480
672	1113010034	Lê Thị Kim Anh	10/08/1999	D13QL01	Quản trị nhân lực	610
673	1113010050	Nguyễn Hoàng Nam	30/01/1999	D13QL01	Quản trị nhân lực	480
674	1113010051	Nguyễn Phương Linh	28/01/1999	D13QL01	Quản trị nhân lực	480
675	1113010056	Vũ Đức Tông	28/04/1999	D13QL01	Quản trị nhân lực	535
676	1113010065	Đào Thị Thu Phương	17/12/1999	D13QL01	Quản trị nhân lực	595
677	1113010068	Vũ Thị Linh	16/05/1999	D13QL01	Quản trị nhân lực	625
678	1113010070	Nguyễn Thị Phương Thảo	20/12/1999	D13QL01	Quản trị nhân lực	540
679	1113010072	Lê Thị Hoa	18/02/1999	D13QL01	Quản trị nhân lực	415
680	1113010126	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	09/07/1999	D13QL01	Quản trị nhân lực	595
681	1113010503	Bùi Kiều Anh	29/08/1999	D13QL01	Quản trị nhân lực	420
682	1113010079	Trần Thị Ngọc Anh	27/06/1999	D13QL02	Quản trị nhân lực	715
683	1113010082	Đinh Xuân Việt	24/04/1999	D13QL02	Quản trị nhân lực	455
684	1113010088	Đỗ Thị Kim Ngân	04/09/1999	D13QL02	Quản trị nhân lực	420
685	1113010090	Nguyễn Thị Thu	22/08/1999	D13QL02	Quản trị nhân lực	540
686	1113010094	Phùng Thị Minh Trang	09/10/1999	D13QL02	Quản trị nhân lực	490
687	1113010096	Nguyễn Thị Yên	07/07/1999	D13QL02	Quản trị nhân lực	655
688	1113010098	Nguyễn Hoàng Lý Mỹ Linh	15/03/1999	D13QL02	Quản trị nhân lực	480
689	1113010100	Trần Thị Ngọc Ánh	18/06/1999	D13QL02	Quản trị nhân lực	540
690	1113010102	Trần Hữu Tiến	10/02/1999	D13QL02	Quản trị nhân lực	540
691	1113010103	Vũ Thủy Linh	19/04/1999	D13QL02	Quản trị nhân lực	540
692	1113010108	Nguyễn Thị Nguyệt Anh	12/03/1999	D13QL02	Quản trị nhân lực	625
693	1113010115	Nguyễn Thị Ánh Linh	06/08/1999	D13QL02	Quản trị nhân lực	425
694	1113010118	Nguyễn Khánh Linh	16/06/1999	D13QL02	Quản trị nhân lực	420

Sr	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
695	1113010119	Trương Thị Ngân	09/01/1999	D13QL02	Quản trị nhân lực	595
696	1113010127	Nguyễn Thanh Tùng	12/10/1999	D13QL02	Quản trị nhân lực	535
697	1113010130	Nguyễn Lê Ngọc Hiền	18/12/1999	D13QL02	Quản trị nhân lực	635
698	1113010132	Bùi Thị Vân Anh	30/09/1999	D13QL02	Quản trị nhân lực	540
699	1113010133	Vũ Khánh Huyền	11/12/1999	D13QL02	Quản trị nhân lực	625
700	1113010145	Đỗ Thị Phương Thanh	04/11/1999	D13QL02	Quản trị nhân lực	555
701	1113010146	Nguyễn Thu Hoài	03/10/1999	D13QL02	Quản trị nhân lực	605
702	1113010153	Nguyễn Huyền Hương	27/04/1999	D13QL03	Quản trị nhân lực	705
703	1113010154	Nguyễn Minh Chi	08/07/1999	D13QL03	Quản trị nhân lực	450
704	1113010157	Dương Thanh Huyền	21/12/1999	D13QL03	Quản trị nhân lực	655
705	1113010161	Phan Khánh Huyền	08/10/1999	D13QL03	Quản trị nhân lực	580
706	1113010163	Nguyễn Quỳnh Anh	17/09/1999	D13QL03	Quản trị nhân lực	585
707	1113010167	Phạm Ngọc Anh	10/03/1999	D13QL03	Quản trị nhân lực	420
708	1113010169	Lê Khánh Ly	08/12/1999	D13QL03	Quản trị nhân lực	805
709	1113010177	Đinh Bảo Ngọc	28/08/1999	D13QL03	Quản trị nhân lực	820
710	1113010180	Phạm Thị Thanh Hiền	26/11/1999	D13QL03	Quản trị nhân lực	540
711	1113010182	Trần Thị Mai	13/08/1999	D13QL03	Quản trị nhân lực	635
712	1113010184	Mai Ngọc Anh	20/10/1999	D13QL03	Quản trị nhân lực	595
713	1113010185	Bùi Thị Uyên	20/04/1999	D13QL03	Quản trị nhân lực	420
714	1113010186	Nguyễn Thị Minh Nhật	20/09/1999	D13QL03	Quản trị nhân lực	455
715	1113010188	Đặng Minh Anh	29/01/1999	D13QL03	Quản trị nhân lực	525
716	1113010189	Trương Kim Chi	02/09/1999	D13QL03	Quản trị nhân lực	420
717	1113010193	Mạc Thu Hiền	15/11/1999	D13QL03	Quản trị nhân lực	555
718	1113010199	Nguyễn Thị Huyền	12/11/1999	D13QL03	Quản trị nhân lực	760
719	1113010221	Nguyễn Thị Thanh Huyền	07/08/1999	D13QL03	Quản trị nhân lực	600
720	1113010222	Trần Đức Thịnh	15/11/1999	D13QL03	Quản trị nhân lực	420
721	1113010232	Nguyễn Mỹ Hạnh	21/10/1999	D13QL04	Quản trị nhân lực	645
722	1113010253	Điền Thị Thạch Thảo	08/07/1999	D13QL04	Quản trị nhân lực	450
723	1113010256	Nguyễn Thị Hoài Phương	26/01/1999	D13QL04	Quản trị nhân lực	600
724	1113010281	Kiều Quang Minh	29/10/1999	D13QL04	Quản trị nhân lực	710
725	1113010290	Dương Thị Thụy Linh	03/06/1999	D13QL04	Quản trị nhân lực	450
726	1113010294	Kim Thị Thu Hà	15/11/1999	D13QL04	Quản trị nhân lực	525

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
727	1113010296	Phạm Thị Thu Thảo	25/07/1999	D13QL04	Quản trị nhân lực	625
728	1113010303	Trần Lê Thanh	29/07/1999	D13QL05	Quản trị nhân lực	420
729	1113010304	Nguyễn Thị Ngân	22/05/1999	D13QL05	Quản trị nhân lực	500
730	1113010306	Đoàn Thị Phương Lê	18/05/1999	D13QL05	Quản trị nhân lực	450
731	1113010318	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	27/02/1998	D13QL05	Quản trị nhân lực	600
732	1113010322	Võ Khánh Huyền	21/06/1999	D13QL05	Quản trị nhân lực	695
733	1113010325	Trần Bảo Yến	05/04/1999	D13QL05	Quản trị nhân lực	540
734	1113010326	Trần Thanh Mai	12/08/1999	D13QL05	Quản trị nhân lực	500
735	1113010327	Hà Thủy Nga	28/12/1999	D13QL05	Quản trị nhân lực	495
736	1113010339	Phùng Thị Hồng	11/05/1999	D13QL05	Quản trị nhân lực	480
737	1113010347	Vũ Thị Hương Giang	08/11/1999	D13QL05	Quản trị nhân lực	480
738	1113010356	Nguyễn Thị Thu Hiền	23/11/1999	D13QL05	Quản trị nhân lực	600
739	1113010358	Trương Thị Hồng Hạnh	07/10/1999	D13QL05	Quản trị nhân lực	420
740	1113010362	Phạm Thị Hương	20/10/1999	D13QL05	Quản trị nhân lực	480
741	1113010374	Từ Bùi Hoàng Yến	25/12/1999	D13QL05	Quản trị nhân lực	715
742	1113010375	Dương Bích Hồng	05/08/1998	D13QL06	Quản trị nhân lực	595
743	1113010377	Lưu Huyền Ly	31/10/1999	D13QL06	Quản trị nhân lực	585
744	1113010378	Nguyễn Phương Nhi	15/12/1999	D13QL06	Quản trị nhân lực	565
745	1113010379	Nguyễn Thị Hào	14/01/1999	D13QL06	Quản trị nhân lực	575
746	1113010385	Vũ Diệu Linh	05/08/1999	D13QL06	Quản trị nhân lực	585
747	1113010387	Trương Mỹ Duyên	16/04/1999	D13QL06	Quản trị nhân lực	685
748	1113010398	Nguyễn Yến Linh	23/10/1999	D13QL06	Quản trị nhân lực	725
749	1113010409	Nguyễn Hoài Thương	04/10/1999	D13QL06	Quản trị nhân lực	595
750	1113010425	Vũ Trang Anh	25/04/1999	D13QL06	Quản trị nhân lực	775
751	1113010428	Hoàng Anh Huy	27/12/1999	D13QL06	Quản trị nhân lực	740
752	1113010430	Nguyễn Thị Ngọc Linh	19/12/1999	D13QL06	Quản trị nhân lực	395
753	1113010431	Phạm Thanh Hà	16/05/1999	D13QL06	Quản trị nhân lực	415
754	1113010434	Nguyễn Thị Hương Lan	29/07/1999	D13QL06	Quản trị nhân lực	415
755	1113010439	Hoàng Lê Hải Nam	02/06/1998	D13QL06	Quản trị nhân lực	565
756	1113010442	Đỗ Thị Huyền Trang	15/03/1999	D13QL06	Quản trị nhân lực	565
757	1113010453	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	13/04/1999	D13QL07	Quản trị nhân lực	570
758	1113010461	Nguyễn Quang Huy	11/01/1999	D13QL07	Quản trị nhân lực	655

SĐT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
759	1113010464	Trần Thị Quỳnh Trang	25/04/1999	D13QL07	Quản trị nhân lực	625
760	1113010471	Nguyễn Thị Hạnh	12/02/1999	D13QL07	Quản trị nhân lực	405
761	1113010473	Phạm Thủy Quỳnh	06/06/1999	D13QL07	Quản trị nhân lực	475
762	1113010474	Đoàn Thị Thuý Dương	11/11/1999	D13QL07	Quản trị nhân lực	500
763	1113010477	Nguyễn Thu Trang	28/09/1999	D13QL07	Quản trị nhân lực	420
764	1113010487	Nguyễn Thị Thủy Quỳnh	25/05/1999	D13QL07	Quản trị nhân lực	455
765	1113010501	Hoàng Tân Khoa	23/08/1998	D13QL07	Quản trị nhân lực	540
766	1113010512	Lê Thu Hằng	20/05/1999	D13QL07	Quản trị nhân lực	450
767	1113010515	Vũ Như Quỳnh	30/12/1999	D13QL07	Quản trị nhân lực	480
768	1113010516	Đỗ Thị Huyền Trang	19/02/1999	D13QL07	Quản trị nhân lực	595
769	1113010526	Nguyễn Hà My	14/07/1999	D13QL08	Quản trị nhân lực	525
770	1113010528	Nguyễn Thị Thu Trê	31/03/1999	D13QL08	Quản trị nhân lực	570
771	1113010529	Đinh Thị Minh	28/09/1999	D13QL08	Quản trị nhân lực	535
772	1113010531	Mai Ngân Hà	11/11/1999	D13QL08	Quản trị nhân lực	425
773	1113010532	Nguyễn Thị Yến	02/12/1999	D13QL08	Quản trị nhân lực	480
774	1113010541	Bùi Thị Yến	08/05/1999	D13QL08	Quản trị nhân lực	420
775	1113010542	Nguyễn Thị Nông Trang	21/02/1999	D13QL08	Quản trị nhân lực	425
776	1113010543	Vũ Thủy Linh	12/03/1999	D13QL08	Quản trị nhân lực	595
777	1113010547	Phạm Thị Hồng	21/08/1999	D13QL08	Quản trị nhân lực	420
778	1113010551	Đỗ Thị Ngọc	05/04/1998	D13QL08	Quản trị nhân lực	455
779	1113010554	Đào Hương Giang	04/06/1999	D13QL08	Quản trị nhân lực	540
780	1113010556	Nguyễn Thị Hà	23/08/1999	D13QL08	Quản trị nhân lực	480
781	1113010568	Hoàng Thị Linh	03/12/1999	D13QL08	Quản trị nhân lực	710
782	1113010570	Nguyễn Thị Kim Tuyền	02/01/1998	D13QL08	Quản trị nhân lực	620
783	1113010572	Vũ Tú Uyên	22/05/1999	D13QL08	Quản trị nhân lực	425
784	1113010573	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	15/11/1999	D13QL08	Quản trị nhân lực	455
785	1113010586	Đoàn Thị Duyên	05/11/1999	D13QL08	Quản trị nhân lực	480
786	1113010680	Đỗ Thị Hồng Hà	14/11/1999	D13QL09	Quản trị nhân lực	420
787	1113010113	Nguyễn Thị Thu Hà	30/10/1999	D13QL09	Quản trị nhân lực	405
788	1113010124	Lê Thị Ngọc Hà	16/12/1999	D13QL09	Quản trị nhân lực	400
789	1113010191	An Thị Kim Oanh	11/10/1999	D13QL09	Quản trị nhân lực	895
790	1113010204	Hoàng Thị Phúc	07/08/1999	D13QL09	Quản trị nhân lực	500

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
791	1113010223	Phạm Thị Thảo	08/12/1999	D13QL09	Quản trị nhân lực	540
792	1113010249	Nguyễn Thị Mai Hoa	27/10/1999	D13QL09	Quản trị nhân lực	595
793	1113010273	Phùng Thị Hồng	10/02/1999	D13QL09	Quản trị nhân lực	475
794	1113010317	Lê Thị Thu Thủy	26/04/1999	D13QL09	Quản trị nhân lực	775
795	1113010331	Phạm Thị Thương	17/10/1999	D13QL09	Quản trị nhân lực	450
796	1113010370	Đỗ Thị Thuý	25/06/1999	D13QL09	Quản trị nhân lực	770
797	1113010376	Đỗ Hữu Thảo	05/04/1999	D13QL09	Quản trị nhân lực	570
798	1113010479	Ngô Khánh Linh	24/07/1999	D13QL09	Quản trị nhân lực	615
799	1113010504	Nguyễn Đức Mạnh	26/07/1999	D13QL09	Quản trị nhân lực	570
800	1113010520	Lê Phạm Thảo Ly	06/01/1999	D13QL09	Quản trị nhân lực	810
801	1113040310	Bùi Thị Văn Anh	06/09/1999	D13STCT01	Công tác xã hội	695
802	1113040311	Vũ Hoàng Anh	05/09/1995	D13STCT01	Công tác xã hội	745
803	1113040313	Cà Ý Dĩnh	17/07/1999	D13STCT01	Công tác xã hội	745
804	1113040316	Triệu Trà Giang	01/05/1999	D13STCT01	Công tác xã hội	855
805	1113040319	Hà Trung Hiếu	06/12/1999	D13STCT01	Công tác xã hội	870
806	1113040322	Phan Thị Huệ	17/05/1999	D13STCT01	Công tác xã hội	500
807	1113040323	Nguyễn Văn Huy	09/09/1999	D13STCT01	Công tác xã hội	425
808	1113040324	Phí Ngọc Huyền	22/05/1999	D13STCT01	Công tác xã hội	425
809	1113040327	Nông Thị Lan	18/01/1999	D13STCT01	Công tác xã hội	595
810	1113040334	Lò Văn Sơn	29/05/1999	D13STCT01	Công tác xã hội	845
811	1113040336	Nông Quốc Tuấn	18/03/1999	D13STCT01	Công tác xã hội	420
812	1113010592	Ngô Tiến Cường	04/04/1999	D13STQL01	Quản trị nhân lực	480
813	1113010593	Bùi Thị Hồng Hạnh	05/10/1999	D13STQL01	Quản trị nhân lực	745
814	1113070006	Nguyễn Đức Anh	18/06/1999	D13TL01	Tâm lý học	715
815	1113070008	Đỗ Tường Vy	07/01/1999	D13TL01	Tâm lý học	830
816	1113070017	Vũ Diệu Linh	24/02/1999	D13TL01	Tâm lý học	525
817	1113070018	Trần Thị Huyền	16/12/1997	D13TL01	Tâm lý học	600
818	1113070024	Dương Hải Hà	23/02/1999	D13TL01	Tâm lý học	425
819	1113070028	Trần Hải Lâm	23/06/1997	D13TL01	Tâm lý học	425
820	1113070036	Nguyễn Phương Thảo	08/08/1999	D13TL01	Tâm lý học	480
821	1113070040	Đặng Phương Nam	23/03/1999	D13TL01	Tâm lý học	655
822	1113070050	Bùi Quỳnh Anh	16/09/1999	D13TL01	Tâm lý học	655

Sr	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TONG
823	1113070054	Lê Quỳnh Trang	15/03/1999	D13TL01	Tâm lý học	710
824	1113070055	Trịnh Thúy Hằng	06/03/1998	D13TL01	Tâm lý học	503
825	1113070057	Nguyễn Thị Khánh Huyền	21/03/1999	D13TL01	Tâm lý học	705
826	1113070059	Trần Thị Diệu Hương	07/11/1999	D13TL01	Tâm lý học	480
IV	ĐẠI HỌC KHÓA 14					
827	1114030003	Trần Thị Thu Hà	08/11/2000	D14BH01	Bảo hiểm	405
828	1114030010	Nguyễn Thị Thu Trang	23/08/2000	D14BH01	Bảo hiểm	780
829	1114030011	Đoàn Mạnh Cường	23/10/1999	D14BH01	Bảo hiểm	715
830	1114030018	Nguyễn Thị Quý An	30/04/2000	D14BH01	Bảo hiểm	425
831	1114030020	Đinh Ngọc Anh	23/01/2000	D14BH01	Bảo hiểm	595
832	1114030025	Ngô Mạnh Hùng	07/08/2000	D14BH01	Bảo hiểm	480
833	1114030027	Hoàng Thị Chính	16/02/2000	D14BH01	Bảo hiểm	565
834	1114030043	Nguyễn Khánh Linh	05/09/2000	D14BH01	Bảo hiểm	595
835	1114030044	Bùi Thị Thanh Vy	06/09/2000	D14BH01	Bảo hiểm	760
836	1114030047	Cao Thanh Hằng	23/01/2000	D14BH01	Bảo hiểm	420
837	1114030049	Đinh Công Mạnh	02/08/2000	D14BH02	Bảo hiểm	655
838	1114030069	Nguyễn Thanh Tùng	26/09/2000	D14BH02	Bảo hiểm	600
839	1114030072	Nguyễn Thu Trà	02/10/2000	D14BH02	Bảo hiểm	430
840	1114030074	Ngô Cẩm Tú	05/01/2000	D14BH02	Bảo hiểm	755
841	1114030077	Nguyễn Cẩm Tú	11/10/2000	D14BH02	Bảo hiểm	635
842	1114030078	Đinh Thị Bích Phương	24/09/2000	D14BH02	Bảo hiểm	600
843	1114030083	Đỗ Phương Linh	14/09/2000	D14BH02	Bảo hiểm	670
844	1114030087	Ngô Thị Kiều Oanh	28/10/2000	D14BH02	Bảo hiểm	810
845	1114030091	Tiền Thị Nguyệt	13/11/2000	D14BH02	Bảo hiểm	505
846	1114030092	Mai Hồng Anh	13/12/2000	D14BH02	Bảo hiểm	635
847	1114030094	Nguyễn Danh Nam	18/03/2000	D14BH02	Bảo hiểm	760
848	1114030107	Trương Văn Nam	01/12/1999	D14BH02	Bảo hiểm	760
849	1114040024	Hoàng Phương Chi	05/08/2000	D14CT01	Công tác xã hội	675
850	1114040053	Nguyễn Thúy Linh	15/04/2000	D14CT01	Công tác xã hội	425
851	1114040064	Tạ Thanh Duy	29/08/2000	D14CT01	Công tác xã hội	575
852	1114040069	Nguyễn Thị Linh Chi	22/08/2000	D14CT02	Công tác xã hội	515
853	1114040072	Phùng Thị Quỳnh	26/04/2000	D14CT02	Công tác xã hội	425

SĐT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
854	1114040085	Ngô Thị Thìn	19/08/2000	D14CT02	Công tác xã hội	375
855	1114040087	Đương Thị Huệ	10/03/2000	D14CT02	Công tác xã hội	480
856	1114040102	Trần Hải Nam	02/04/1999	D14CT02	Công tác xã hội	880
857	1114040107	Nguyễn Thanh Hồng	01/12/2000	D14CT02	Công tác xã hội	540
858	1114040122	Bùi Thị Hòa	12/10/2000	D14CT02	Công tác xã hội	810
859	1114040123	Lưu Thủy Linh	18/07/2000	D14CT02	Công tác xã hội	445
860	1114040125	Phan Quỳnh Thơ	06/03/2000	D14CT02	Công tác xã hội	645
861	1114040128	Nguyễn Thủy Linh	16/06/2000	D14CT02	Công tác xã hội	420
862	1114040132	Thừa Thị Thảo	30/10/2000	D14CT02	Công tác xã hội	480
863	1114040135	Lê Minh Hiền	22/01/2000	D14CT02	Công tác xã hội	715
864	1114040026	Nguyễn Chính Mai	12/10/2000	D14CT03	Công tác xã hội	475
865	1114040094	Trần Khánh Linh	08/06/2000	D14CT03	Công tác xã hội	435
866	1114040105	Lại Thị Hạnh	20/12/2000	D14CT03	Công tác xã hội	540
867	1114040121	Nguyễn Hữu Hải	09/10/2000	D14CT03	Công tác xã hội	585
868	1114040136	Nguyễn Quỳnh Hương	22/09/2000	D14CT03	Công tác xã hội	715
869	1114040161	Phạm Thị Kim Ngân	01/02/2000	D14CT03	Công tác xã hội	590
870	1114060003	Bùi Linh Chi	25/05/2000	D14KL01	Kinh tế	575
871	1114060007	Nguyễn Thanh Linh	10/08/2000	D14KL01	Kinh tế	480
872	1114060010	Nguyễn Thu Hoài	14/05/2000	D14KL01	Kinh tế	480
873	1114060013	Đỗ Thu Thảo	26/09/2000	D14KL01	Kinh tế	620
874	1114060015	Đặng Thị Ngọc Ánh	21/10/2000	D14KL01	Kinh tế	455
875	1114060037	Phạm Linh Giang	15/10/2000	D14KL01	Kinh tế	425
876	1114060041	Nguyễn Văn Long	20/11/2000	D14KL01	Kinh tế	780
877	1114060042	Đương Thị Hồng	19/05/2000	D14KL01	Kinh tế	655
878	1114060044	Nguyễn Anh Thư	31/10/2000	D14KL01	Kinh tế	450
879	1114060046	Nguyễn Khắc Đức	10/05/2000	D14KL01	Kinh tế	600
880	1114060051	Trương Thảo Chi	26/09/2000	D14KL01	Kinh tế	740
881	1114060052	Ngô Đức Anh	25/08/2000	D14KL01	Kinh tế	735
882	1114060054	Đặng Đình Đức	09/10/2000	D14KL01	Kinh tế	655
883	1114060055	Bùi Đặng Nhật Huy	25/02/2000	D14KL01	Kinh tế	655
884	1114060062	Đỗ Thị Mai	27/12/2000	D14KL01	Kinh tế	425
885	1114060064	Nguyễn Thị Lan Anh	07/09/2000	D14KL01	Kinh tế	515

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
886	1114060067	Ngô Văn Cường	07/06/2000	D14KL01	Kinh tế	535
887	1114060068	Vũ Diễm Quỳnh	01/09/2000	D14KL02	Kinh tế	705
888	1114060076	Nguyễn Thị Cúc	13/04/1999	D14KL02	Kinh tế	610
889	1114060079	Nguyễn Hữu Anh	30/10/2000	D14KL02	Kinh tế	480
890	1114060080	Trần Ngọc Ánh	01/05/2000	D14KL02	Kinh tế	600
891	1114060088	Đặng Thị Trang	16/09/2000	D14KL02	Kinh tế	640
892	1114060092	Vũ Thị Trang	17/10/2000	D14KL02	Kinh tế	565
893	1114060095	Nguyễn Thị Bình An	12/02/2000	D14KL02	Kinh tế	655
894	1114060097	Đào Thanh Bảo Khánh	23/06/2000	D14KL02	Kinh tế	510
895	1114060103	Thần Thị Quỳnh Anh	28/11/2000	D14KL02	Kinh tế	755
896	1114060118	Phạm Tuấn Anh	27/12/2000	D14KL02	Kinh tế	430
897	1114060122	Trần Quốc Phóng	21/10/2000	D14KL02	Kinh tế	450
898	1114020001	Trần Thị Thu Nga	06/09/2000	D14KT01	Kế toán	480
899	1114020002	Đỗ Thị Thu Hằng	22/11/2000	D14KT01	Kế toán	480
900	1114020004	Hoàng Thị Văn Anh	26/04/2000	D14KT01	Kế toán	575
901	1114020006	Trần Thị Minh Phương	27/08/2000	D14KT01	Kế toán	480
902	1114020007	Hương Như Quỳnh	12/11/2000	D14KT01	Kế toán	730
903	1114020008	Lê Thị Thu Hiền	17/07/2000	D14KT01	Kế toán	480
904	1114020012	Trần Quỳnh Thu	30/09/2000	D14KT01	Kế toán	780
905	1114020021	Hoàng Thị Thu Phương	17/09/2000	D14KT01	Kế toán	540
906	1114020024	Phùng Thị Tú Uyên	05/02/2000	D14KT01	Kế toán	645
907	1114020025	Vũ Thu Nga	03/03/2000	D14KT01	Kế toán	725
908	1114020027	Phạm Bích Loan	05/08/2000	D14KT01	Kế toán	480
909	1114020028	Nguyễn Trang Nhung	09/05/2000	D14KT01	Kế toán	480
910	1114020029	Vũ Thị Ngọc Huyền	31/07/2000	D14KT01	Kế toán	595
911	1114020030	Trần Thị Khánh Linh	21/10/2000	D14KT01	Kế toán	710
912	1114020035	Nguyễn Phương Thái	27/06/2000	D14KT01	Kế toán	625
913	1114020039	Nguyễn Ngọc Mỹ	03/01/2000	D14KT01	Kế toán	870
914	1114020041	Đinh Thị Phương Thảo	07/01/2000	D14KT01	Kế toán	540
915	1114020044	Thần Thị Mỹ Hà	11/10/2000	D14KT01	Kế toán	855
916	1114020045	Phùng Mai Hoa	19/12/2000	D14KT01	Kế toán	715
917	1114020047	Phạm Thị Hằng	23/06/2000	D14KT01	Kế toán	620

SST	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
918	1114020048	Lê Thị Mai Giang	01/12/2000	D14KT01	Kế toán	480
919	1114020050	Bùi Kim Ngân	27/02/2000	D14KT01	Kế toán	480
920	1114020058	Nguyễn Thị Phương Anh	05/11/2000	D14KT01	Kế toán	715
921	1114020059	Lại Thị Ngọc Minh	23/08/2000	D14KT01	Kế toán	655
922	1114020061	Bùi Thị Tiên	18/10/2000	D14KT01	Kế toán	475
923	1114020062	Dặng Thị Trà Giang	20/09/2000	D14KT01	Kế toán	595
924	1114020063	Trần Thành Trung	02/10/2000	D14KT01	Kế toán	710
925	1114020064	Hồ Hà Chi	15/01/2000	D14KT01	Kế toán	705
926	1114020069	Đinh Thị Thủy Hằng	07/01/2000	D14KT01	Kế toán	695
927	1114020070	Nguyễn Thị Thu Hiền	26/04/2000	D14KT01	Kế toán	475
928	1114020655	Nguyễn Thu An	18/02/2000	D14KT01	Kế toán	625
929	1114020076	Triệu Thị Linh	16/04/2000	D14KT02	Kế toán	480
930	1114020077	Bùi Nhật Lệ	28/10/2000	D14KT02	Kế toán	480
931	1114020083	Nguyễn Thị Huyền	02/09/2000	D14KT02	Kế toán	915
932	1114020085	Ngô Thị Ngọc Ánh	31/01/2000	D14KT02	Kế toán	655
933	1114020087	Đoàn Hồng Nhung	25/11/2000	D14KT02	Kế toán	730
934	1114020089	Trần Hồng Anh	24/11/2000	D14KT02	Kế toán	705
935	1114020091	Trần Phương Huyền	16/09/2000	D14KT02	Kế toán	710
936	1114020099	Hoàng Thị Hương	31/10/2000	D14KT02	Kế toán	855
937	1114020101	Vũ Thị Diệu Linh	03/12/2000	D14KT02	Kế toán	535
938	1114020103	Nguyễn Thị Thảo	17/06/2000	D14KT02	Kế toán	695
939	1114020107	Nguyễn Thị Minh Hương	18/09/2000	D14KT02	Kế toán	505
940	1114020108	Thần Lâm Bảo Nhi	01/07/2000	D14KT02	Kế toán	770
941	1114020111	Nguyễn Thị Thu Hiền	03/11/2000	D14KT02	Kế toán	525
942	1114020112	Nguyễn Thị Lệ Mỹ	28/10/2000	D14KT02	Kế toán	535
943	1114020113	Nguyễn Thị Lan Hương	01/02/2000	D14KT02	Kế toán	855
944	1114020115	Tống Diệu Linh	03/04/2000	D14KT02	Kế toán	755
945	1114020119	Nguyễn Xuân Diệu	19/08/2000	D14KT02	Kế toán	605
946	1114020122	Trương Hạnh Thảo	13/11/2000	D14KT02	Kế toán	480
947	1114020125	Nguyễn Kim Ngân	09/02/2000	D14KT02	Kế toán	475
948	1114020128	Vũ Lê Linh Phương	01/02/2000	D14KT02	Kế toán	535
949	1114020129	Lê Thị Thu Uyên	21/08/2000	D14KT02	Kế toán	420

SĐT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
950	1114020131	Nguyễn Thị Thảo	29/02/2000	D14KT02	Kế toán	730
951	1114020137	Đỗ Thị Hồng Liên	17/09/2000	D14KT02	Kế toán	540
952	1114020138	Vũ Phương Linh	27/11/2000	D14KT02	Kế toán	595
953	1114020139	Nguyễn Hồng Yến	25/06/2000	D14KT02	Kế toán	595
954	1114020142	Đoàn Diệu Linh	01/04/2000	D14KT03	Kế toán	600
955	1114020159	Trịnh Thị Huệ	21/06/2000	D14KT03	Kế toán	880
956	1114020161	Lê Thị Minh Trang	29/01/2000	D14KT03	Kế toán	480
957	1114020165	Bùi Thị Nhật Tâm	23/12/2000	D14KT03	Kế toán	595
958	1114020170	Nguyễn Thị Thủy Hằng	19/05/2000	D14KT03	Kế toán	640
959	1114020176	Vũ Thị Thanh	16/01/2000	D14KT03	Kế toán	645
960	1114020177	Nguyễn Thị Anh	10/12/2000	D14KT03	Kế toán	595
961	1114020184	Nguyễn Minh Ngọc	17/05/2000	D14KT03	Kế toán	535
962	1114020185	Nguyễn Hoài Anh	06/08/2000	D14KT03	Kế toán	595
963	1114020194	Trịnh Thị Mỹ Linh	18/10/2000	D14KT03	Kế toán	540
964	1114020200	Trần Thị Minh Nguyệt	06/02/2000	D14KT03	Kế toán	635
965	1114020202	Sài Thị Lan Hương	19/04/2000	D14KT03	Kế toán	480
966	1114020203	Nguyễn Thị Hằng	05/07/2000	D14KT03	Kế toán	405
967	1114020209	Hương Bùi Hải Anh	13/10/2000	D14KT04	Kế toán	480
968	1114020211	Vũ Thị Kim Chi	29/06/2000	D14KT04	Kế toán	780
969	1114020215	Trần Thanh Huyền	22/04/2000	D14KT04	Kế toán	755
970	1114020217	Phan Thị Hoa	03/04/2000	D14KT04	Kế toán	535
971	1114020222	Nguyễn Thu Hoàn	19/12/2000	D14KT04	Kế toán	420
972	1114020233	Phạm Thu Huyền	30/04/2000	D14KT04	Kế toán	575
973	1114020238	Chu Thị Thu Hằng	11/09/2000	D14KT04	Kế toán	820
974	1114020241	Vũ Mai Phương	14/01/2000	D14KT04	Kế toán	740
975	1114020246	Lê Thị Anh	06/02/2000	D14KT04	Kế toán	695
976	1114020256	Trần Quang Anh	06/02/2000	D14KT04	Kế toán	645
977	1114020257	Nguyễn Thanh Tú	19/04/2000	D14KT04	Kế toán	575
978	1114020259	Lương Thị Yến	19/07/2000	D14KT04	Kế toán	715
979	1114020267	Trần Thị Thanh Thủy	08/10/2000	D14KT04	Kế toán	645
980	1114020268	Nguyễn Thị Thu Hà	09/02/2000	D14KT04	Kế toán	510
981	1114020270	Lê Thị Huyền	30/04/2000	D14KT04	Kế toán	540

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
982	1114020277	Nguyễn Thị Trà My	20/11/2000	D14KT04	Kế toán	450
983	1114020283	Trần Thu Cúc	29/11/2000	D14KT05	Kế toán	655
984	1114020285	Nguyễn Minh Phương	01/06/2000	D14KT05	Kế toán	625
985	1114020287	Đinh Thị Thu Trang	23/06/2000	D14KT05	Kế toán	430
986	1114020288	Nguyễn Tiến Minh	19/07/2000	D14KT05	Kế toán	425
987	1114020290	Đinh Thị Phương Thảo	01/08/2000	D14KT05	Kế toán	775
988	1114020291	Trịnh Ngọc Ánh	24/05/2000	D14KT05	Kế toán	600
989	1114020292	Đinh Thị Phương Trang	01/08/2000	D14KT05	Kế toán	855
990	1114020294	Ninh Thị Lan Anh	28/09/2000	D14KT05	Kế toán	540
991	1114020300	Trần Hải Yến	19/10/2000	D14KT05	Kế toán	585
992	1114020304	Nguyễn Mai Hạnh	06/11/2000	D14KT05	Kế toán	830
993	1114020307	Phùng Thị Huyền Trang	17/04/2000	D14KT05	Kế toán	695
994	1114020314	Vương Thủy Linh	07/11/2000	D14KT05	Kế toán	480
995	1114020315	Bùi Kiều Chinh	12/11/2000	D14KT05	Kế toán	425
996	1114020316	Nguyễn Thanh Hằng	16/07/2000	D14KT05	Kế toán	595
997	1114020318	Vũ Thu Diệp	27/12/2000	D14KT05	Kế toán	585
998	1114020320	Tạ Thị Kiều Trinh	07/12/2000	D14KT05	Kế toán	480
999	1114020326	Bùi Thủy Nga	15/12/2000	D14KT05	Kế toán	635
1000	1114020327	Đỗ Thanh Linh	04/10/2000	D14KT05	Kế toán	545
1001	1114020328	Cần Thị Thanh Huyền	08/09/2000	D14KT05	Kế toán	595
1002	1114020332	Phạm Thị Trà My	27/09/2000	D14KT05	Kế toán	475
1003	1114020335	Trần Thị Anh	16/03/2000	D14KT05	Kế toán	420
1004	1114020336	Nguyễn Thị Thảo	23/11/1999	D14KT05	Kế toán	645
1005	1114020337	Trần Thị Nga	02/04/1999	D14KT05	Kế toán	535
1006	1114020342	Trần Thị Thanh Thủy	16/09/2000	D14KT05	Kế toán	570
1007	1114020343	Lê Thị Yến	17/07/2000	D14KT05	Kế toán	635
1008	1114020344	Dương Khánh Linh	11/05/2000	D14KT05	Kế toán	735
1009	1114020346	Hoàng Thu Hà	11/01/2000	D14KT05	Kế toán	655
1010	1114020350	Phạm Thị Minh Châu	18/11/2000	D14KT06	Kế toán	480
1011	1114020351	Nguyễn Triệu Thủy Hằng	08/12/2000	D14KT06	Kế toán	795
1012	1114020353	Đỗ Thị Thủy Trang	22/12/2000	D14KT06	Kế toán	465
1013	1114020354	Triệu Thị Hưng	06/03/2000	D14KT06	Kế toán	475

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
1014	1114020358	Dương Thị Hoài	14/07/2000	D14KT06	Kế toán	760
1015	1114020359	Đinh Diệu Hồng	21/03/2000	D14KT06	Kế toán	450
1016	1114020362	Nguyễn Thị Thu Hằng	23/04/2000	D14KT06	Kế toán	420
1017	1114020363	Nguyễn Thị Thủy Linh	06/10/2000	D14KT06	Kế toán	760
1018	1114020367	Vũ Thị Huyền Trang	30/12/2000	D14KT06	Kế toán	655
1019	1114020371	Đổng Thùy Ngân	18/04/2000	D14KT06	Kế toán	715
1020	1114020375	Hân Thị Minh Hằng	06/04/2000	D14KT06	Kế toán	570
1021	1114020377	Vũ Thị Văn Anh	18/04/2000	D14KT06	Kế toán	480
1022	1114020378	Nguyễn Thị Minh Nghĩa	12/01/2000	D14KT06	Kế toán	455
1023	1114020385	Lưu Thị Văn Anh	10/10/2000	D14KT06	Kế toán	420
1024	1114020388	Nguyễn Thị Duyên	10/05/2000	D14KT06	Kế toán	425
1025	1114020391	Nguyễn Thu Hà	15/03/2000	D14KT06	Kế toán	575
1026	1114020396	Đỗ Lệ Quyên	24/09/2000	D14KT06	Kế toán	545
1027	1114020401	Chu Thị Thúy Hương	24/09/2000	D14KT06	Kế toán	585
1028	1114020402	Trương Thị Hòa	10/12/2000	D14KT06	Kế toán	505
1029	1114020404	Nguyễn Thị Văn Anh	20/03/2000	D14KT06	Kế toán	535
1030	1114020407	Phạm Tấn Đông	25/04/2000	D14KT06	Kế toán	420
1031	1114020408	Nguyễn Văn Anh	22/03/2000	D14KT06	Kế toán	600
1032	1114020410	Đinh Quang Phương	27/09/2000	D14KT06	Kế toán	530
1033	1114020412	Tạ Thị Duyên	04/02/2000	D14KT06	Kế toán	820
1034	1114020413	Phùng Thị Hương Giang	16/03/2000	D14KT06	Kế toán	595
1035	1114020415	Phùng Thanh Tùng	21/04/2000	D14KT06	Kế toán	755
1036	1114020419	Trần Thị Ngọc Huyền	12/12/2000	D14KT06	Kế toán	525
1037	1114020420	Đoàn Thị Phương Anh	04/10/2000	D14KT07	Kế toán	520
1038	1114020429	Phùng Khánh Linh	25/10/2000	D14KT07	Kế toán	395
1039	1114020431	Nguyễn Thị Khánh Huyền	29/08/2000	D14KT07	Kế toán	525
1040	1114020432	Mạc Thị Duyên	26/09/2000	D14KT07	Kế toán	350
1041	1114020439	Nguyễn Thị Phương	26/12/2000	D14KT07	Kế toán	445
1042	1114020440	Vũ Phương Thạch Thảo	12/03/2000	D14KT07	Kế toán	655
1043	1114020444	Lê Như Ngọc	25/12/2000	D14KT07	Kế toán	450
1044	1114020446	Nguyễn Thị Vũ	30/01/2000	D14KT07	Kế toán	480
1045	1114020447	Phạm Thị Thảo	01/10/2000	D14KT07	Kế toán	305

SST	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
1046	1114020452	Vũ Thu Hương	20/12/2000	D14KT07	Kế toán	600
1047	1114020456	Dương Thị Hiền	01/04/2000	D14KT07	Kế toán	480
1048	1114020458	Nguyễn Thanh Kim Huệ	02/12/1997	D14KT07	Kế toán	540
1049	1114020464	Bùi Thị Nhung	29/01/2000	D14KT07	Kế toán	630
1050	1114020471	Phí Yên Ly	26/10/2000	D14KT07	Kế toán	685
1051	1114020472	Đỗ Thu Phương	29/10/2000	D14KT07	Kế toán	620
1052	1114020477	Hà Thị Huyền	20/11/2000	D14KT07	Kế toán	665
1053	1114020479	Nguyễn Thị Hiền	07/01/2000	D14KT07	Kế toán	600
1054	1114020482	Nguyễn Thị Thu Hằng	03/10/2000	D14KT07	Kế toán	565
1055	1114020483	Lê Ánh Hằng	09/10/2000	D14KT07	Kế toán	930
1056	1114020487	Bùi Thị Văn Anh	08/01/2000	D14KT07	Kế toán	655
1057	1114020490	Nguyễn Thị Anh	20/01/2000	D14KT08	Kế toán	535
1058	1114020493	Đỗ Diệp Anh	07/05/2000	D14KT08	Kế toán	545
1059	1114020495	Phạm Thị Ngân	28/06/2000	D14KT08	Kế toán	755
1060	1114020496	Phạm Thị Mai	17/11/2000	D14KT08	Kế toán	595
1061	1114020497	Vũ Thị Hồng Linh	16/01/2000	D14KT08	Kế toán	450
1062	1114020500	Cần Diệu Ly	28/10/2000	D14KT08	Kế toán	655
1063	1114020502	Nguyễn Thị Hà Vy	24/08/2000	D14KT08	Kế toán	420
1064	1114020503	Nguyễn Thị Quế Anh	10/08/2000	D14KT08	Kế toán	790
1065	1114020507	Hà Cẩm Tú	19/01/2000	D14KT08	Kế toán	600
1066	1114020512	Phan Thị Hoài	18/08/2000	D14KT08	Kế toán	420
1067	1114020515	Vũ Thị Quỳnh	07/10/2000	D14KT08	Kế toán	535
1068	1114020525	Trương Quỳnh Hương	08/09/2000	D14KT08	Kế toán	400
1069	1114020526	Phan Thị Hào	15/02/2000	D14KT08	Kế toán	680
1070	1114020527	Nguyễn Thủy Dung	13/10/2000	D14KT08	Kế toán	525
1071	1114020528	Kiều Quỳnh Hoa	12/04/2000	D14KT08	Kế toán	425
1072	1114020534	Nguyễn Thị Phương	14/04/2000	D14KT08	Kế toán	505
1073	1114020548	Nguyễn Thị Thanh Thảo	02/10/2000	D14KT08	Kế toán	535
1074	1114020550	Phạm Thị Diệu Linh	19/03/2000	D14KT08	Kế toán	665
1075	1114020553	Nguyễn Thủy Dương	18/01/2000	D14KT08	Kế toán	635
1076	1114020562	Nguyễn Thị Mai Hoa	29/02/2000	D14KT09	Kế toán	400
1077	1114020565	Vũ Thị Tú Anh	01/04/2000	D14KT09	Kế toán	475

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
1078	1114020567	Đinh Thủy Hạnh	09/11/2000	D14KT09	Kế toán	540
1079	1114020570	Nguyễn Thị Thanh Mùng	17/04/2000	D14KT09	Kế toán	680
1080	1114020575	Vũ Hải Hà	08/08/2000	D14KT09	Kế toán	420
1081	1114020577	Lê Thị Ngọc Ánh	10/09/2000	D14KT09	Kế toán	480
1082	1114020582	Đoàn Thị Huyền Trang	05/09/2000	D14KT09	Kế toán	585
1083	1114020583	Vũ Thị Hằng Hạnh	14/02/2000	D14KT09	Kế toán	625
1084	1114020584	Hoàng Thị Trang	05/03/2000	D14KT09	Kế toán	455
1085	1114020588	Đào Thị Hương	03/09/2000	D14KT09	Kế toán	595
1086	1114020606	Hoàng Thị Lan Nhi	10/10/2000	D14KT09	Kế toán	455
1087	1114020620	Kiều Thị Lương	16/11/2000	D14KT09	Kế toán	420
1088	1114020621	Nguyễn Thị Khánh Lưu Ly	15/03/2000	D14KT09	Kế toán	520
1089	1114020632	Hoàng Thị Phương Liên	14/09/2000	D14KT10	Kế toán	455
1090	1114020643	Vương Ái Linh	10/09/2000	D14KT10	Kế toán	830
1091	1114020644	Phạm Thị Thu Dung	18/05/2000	D14KT10	Kế toán	525
1092	1114020652	Nguyễn Thanh Huyền	03/10/2000	D14KT10	Kế toán	855
1093	1114020658	Nguyễn Thị Hằng	03/10/2000	D14KT10	Kế toán	680
1094	1114020659	Trần Thị Loan	09/09/2000	D14KT10	Kế toán	420
1095	1114020660	Đinh Thủy Hằng	18/06/2000	D14KT10	Kế toán	645
1096	1114020669	Nguyễn Thị Mỹ Hà	03/05/2000	D14KT10	Kế toán	635
1097	1114020677	Châu Quỳnh Anh	14/02/2000	D14KT10	Kế toán	525
1098	1114020684	Lưu Thanh Hằng	07/08/2000	D14KT10	Kế toán	625
1099	1114020688	Nguyễn Thị Huế	17/03/2000	D14KT10	Kế toán	945
1100	1114020691	Nguyễn Thị Cúc	07/11/2000	D14KT10	Kế toán	580
1101	1114020692	Nguyễn Ngọc Anh	30/10/2000	D14KT10	Kế toán	645
1102	1114020699	Trần Thị Thu Hà	04/12/2000	D14KT10	Kế toán	475
1103	1114080002	Nguyễn Hoàng Quỳnh	11/12/2000	D14LK01	Luật kinh tế	585
1104	1114080006	Ngô Thị Bích Ngọc	30/12/2000	D14LK01	Luật kinh tế	455
1105	1114080012	Đư Thanh Phương	13/02/2000	D14LK01	Luật kinh tế	480
1106	1114080019	Dương Thị Huyền	17/02/2000	D14LK01	Luật kinh tế	705
1107	1114080028	Nguyễn Linh Trang	14/12/2000	D14LK01	Luật kinh tế	535
1108	1114080029	Hoàng Thị Thôn	07/05/2000	D14LK01	Luật kinh tế	840
1109	1114080030	Nguyễn Thị Hiền	11/08/2000	D14LK01	Luật kinh tế	625

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
1110	1114080034	Hoàng Thị Cảnh	18/08/2000	D14LK01	Luật kinh tế	480
1111	1114080035	Trần Thị Vui	07/06/2000	D14LK01	Luật kinh tế	480
1112	1114080036	Phan Thu Hà	21/11/2000	D14LK01	Luật kinh tế	715
1113	1114080038	Nguyễn Thu Hằng	25/01/2000	D14LK01	Luật kinh tế	855
1114	1114080040	Nguyễn Dương Hưng	02/02/2000	D14LK01	Luật kinh tế	450
1115	1114080043	Nguyễn Thu Hằng	10/08/2000	D14LK01	Luật kinh tế	480
1116	1114080044	Phạm Thị Thu Hằng	20/11/2000	D14LK01	Luật kinh tế	480
1117	1114080045	Nguyễn Lan Ngọc	15/02/2000	D14LK01	Luật kinh tế	445
1118	1114080047	Đỗ Ngọc Huyền	15/07/2000	D14LK01	Luật kinh tế	420
1119	1114080049	Trần Đức Minh	07/12/2000	D14LK01	Luật kinh tế	750
1120	1114080051	Vũ Lan Hương	05/11/2000	D14LK01	Luật kinh tế	540
1121	1114080055	Đinh Thị Ngọc Hà	26/11/2000	D14LK01	Luật kinh tế	405
1122	1114080059	Nguyễn Thanh Hoài	25/12/2000	D14LK01	Luật kinh tế	420
1123	1114080060	Nguyễn Đức Tuấn	16/01/2000	D14LK01	Luật kinh tế	710
1124	1114080063	Mai Ánh Tuyết	31/03/2000	D14LK01	Luật kinh tế	655
1125	1114080064	Nguyễn Minh Anh	30/07/2000	D14LK01	Luật kinh tế	820
1126	1114080066	Đinh Hoàng Minh Đức	28/07/2000	D14LK01	Luật kinh tế	540
1127	1114080069	Trần Hoàng Hiệp	13/06/2000	D14LK01	Luật kinh tế	575
1128	1114080214	Nguyễn Hoàng Anh	09/09/2000	D14LK01	Luật kinh tế	540
1129	1114080070	Nghiêm Thục Anh	25/11/2000	D14LK02	Luật kinh tế	505
1130	1114080071	Nguyễn Xuân Huy	11/05/2000	D14LK02	Luật kinh tế	975
1131	1114080075	Hà Lan Phương	18/12/2000	D14LK02	Luật kinh tế	420
1132	1114080081	Phạm Thị Quỳnh Mai	25/07/2000	D14LK02	Luật kinh tế	760
1133	1114080082	Đặng Thị Như Quỳnh	17/08/2000	D14LK02	Luật kinh tế	540
1134	1114080085	Phạm Thị Phương Anh	10/10/2000	D14LK02	Luật kinh tế	605
1135	1114080086	Nguyễn Văn Đồng	07/04/2000	D14LK02	Luật kinh tế	600
1136	1114080093	Trần Thị Tinh	30/08/2000	D14LK02	Luật kinh tế	645
1137	1114080094	Nguyễn Việt Anh	10/10/2000	D14LK02	Luật kinh tế	580
1138	1114080096	Bùi Thanh Long	21/09/2000	D14LK02	Luật kinh tế	840
1139	1114080101	Mai Thùy Trang	26/03/2000	D14LK02	Luật kinh tế	730
1140	1114080102	Nguyễn Thị Ngọc Anh	29/05/2000	D14LK02	Luật kinh tế	450
1141	1114080103	Bùi Ngọc Dũng	07/10/2000	D14LK02	Luật kinh tế	480

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
1142	1114080105	Nguyễn Nhật Minh	01/12/2000	D14LK02	Luật kinh tế	655
1143	1114080110	Bùi Xuân Tân	04/07/2000	D14LK02	Luật kinh tế	705
1144	1114080111	Nguyễn Quyết Thắng	28/01/2000	D14LK02	Luật kinh tế	480
1145	1114080112	Nguyễn Thị Phương Thảo	05/07/2000	D14LK02	Luật kinh tế	480
1146	1114080114	Nguyễn Thị Phương Anh	10/01/2000	D14LK02	Luật kinh tế	800
1147	1114080115	Phan Ngọc Hiếu	18/02/2000	D14LK02	Luật kinh tế	540
1148	1114080117	Tổng Thị Phương	20/04/2000	D14LK02	Luật kinh tế	420
1149	1114080121	Vũ Thế Sơn	24/01/2000	D14LK02	Luật kinh tế	425
1150	1114080122	Nguyễn Nhật Ánh	15/03/2000	D14LK02	Luật kinh tế	420
1151	1114080124	Nguyễn Hương Trang	20/11/2000	D14LK02	Luật kinh tế	595
1152	1114080128	Nghiêm Thị Việt Anh	15/09/2000	D14LK02	Luật kinh tế	505
1153	1114080131	Nguyễn Lê Ngân	23/10/2000	D14LK02	Luật kinh tế	475
1154	1114080133	Nguyễn Trọng Bảo Anh	05/02/2000	D14LK02	Luật kinh tế	600
1155	1114080137	Trần Thị Lam	16/08/2000	D14LK02	Luật kinh tế	480
1156	1114080143	Lê Linh Thùy	16/10/2000	D14LK03	Luật kinh tế	480
1157	1114080149	Nguyễn Tú Anh	22/06/2000	D14LK03	Luật kinh tế	420
1158	1114080153	Vũ Mạnh Tùng	23/06/2000	D14LK03	Luật kinh tế	540
1159	1114080156	Hoàng Yến Nhi	22/03/2000	D14LK03	Luật kinh tế	880
1160	1114080157	Lưu Lan Anh	10/08/2000	D14LK03	Luật kinh tế	685
1161	1114080160	Nguyễn Diệu Linh	11/06/2000	D14LK03	Luật kinh tế	405
1162	1114080162	Phạm Nguyễn Hoàng Duy	09/09/2000	D14LK03	Luật kinh tế	420
1163	1114080170	Phạm Nguyệt Minh	26/10/2000	D14LK03	Luật kinh tế	600
1164	1114080171	Chu Khánh Linh	12/01/2000	D14LK03	Luật kinh tế	655
1165	1114080175	Phạm Hoàng Đạt	24/02/2000	D14LK03	Luật kinh tế	525
1166	1114080183	Ngô Anh Thơ	15/12/2000	D14LK03	Luật kinh tế	565
1167	1114080185	Vũ Trung Dũng	08/02/2000	D14LK03	Luật kinh tế	595
1168	1114080186	Lê Hải Yến	31/08/2000	D14LK03	Luật kinh tế	505
1169	1114080190	Quách Thu Phương	14/08/2000	D14LK03	Luật kinh tế	605
1170	1114080193	Ngô Ngọc Minh	14/07/2000	D14LK03	Luật kinh tế	425
1171	1114080198	Đặng Thị Ngọc Trâm	25/10/2000	D14LK03	Luật kinh tế	670
1172	1114080203	Bùi Quang Dương	13/06/2000	D14LK03	Luật kinh tế	480
1173	1114080204	Trần Tuấn Khang	01/03/2000	D14LK03	Luật kinh tế	570

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
1174	1114080212	Lê Thị Hà Phương	29/05/2000	D14LK03	Luật kinh tế	655
1175	1114080219	Nguyễn Chi Hòa	11/10/2000	D14LK03	Luật kinh tế	535
1176	1114050003	Lê Thị Hiền Trang	02/03/2000	D14QK01	Quản trị kinh doanh	695
1177	1114050006	Võ Thị Thu Hương	18/02/2000	D14QK01	Quản trị kinh doanh	755
1178	1114050011	Nguyễn Thị Hậu	15/02/2000	D14QK01	Quản trị kinh doanh	690
1179	1114050014	Trần Thị Thu Trang	12/03/2000	D14QK01	Quản trị kinh doanh	740
1180	1114050016	Đoàn Như Sỹ	12/01/2000	D14QK01	Quản trị kinh doanh	540
1181	1114050019	Đặng Minh Lý	18/03/2000	D14QK01	Quản trị kinh doanh	820
1182	1114050024	Đỗ Thùy Dung	16/12/2000	D14QK01	Quản trị kinh doanh	505
1183	1114050026	Nguyễn Thị Linh Chi	24/05/2000	D14QK01	Quản trị kinh doanh	525
1184	1114050027	Nguyễn Thị Phương Ly	28/11/2000	D14QK01	Quản trị kinh doanh	705
1185	1114050030	Phạm Lê Mai	28/08/2000	D14QK01	Quản trị kinh doanh	695
1186	1114050033	Hoàng Thị Hương Xen	06/10/2000	D14QK01	Quản trị kinh doanh	660
1187	1114050034	Phạm Tổ Nga	12/10/2000	D14QK01	Quản trị kinh doanh	500
1188	1114050037	Đỗ Thị Kim Thùy	25/09/2000	D14QK01	Quản trị kinh doanh	760
1189	1114050038	Đỗ Thị Trang	21/04/2000	D14QK01	Quản trị kinh doanh	635
1190	1114050040	Nguyễn Quỳnh Trang	01/02/2000	D14QK01	Quản trị kinh doanh	585
1191	1114050043	Phạm Thị Phương Anh	06/02/2000	D14QK01	Quản trị kinh doanh	585
1192	1114050047	Trần Thị Thu Nguyệt	06/09/2000	D14QK01	Quản trị kinh doanh	695
1193	1114050054	Nguyễn Phương Thanh	05/08/2000	D14QK01	Quản trị kinh doanh	645
1194	1114050058	Phan Ngọc Anh	05/10/2000	D14QK01	Quản trị kinh doanh	645
1195	1114050099	Trần Phương Anh	02/11/2000	D14QK01	Quản trị kinh doanh	550
1196	1114050219	Phan Ngọc Anh	18/09/2000	D14QK01	Quản trị kinh doanh	780
1197	1114050074	Đỗ Thị Duyên	26/12/2000	D14QK02	Quản trị kinh doanh	585
1198	1114050075	Nguyễn Thúy Quỳnh	25/11/2000	D14QK02	Quản trị kinh doanh	535
1199	1114050077	Nguyễn Thị Thảo	11/09/2000	D14QK02	Quản trị kinh doanh	540
1200	1114050081	Nguyễn Thị Hương	02/01/2000	D14QK02	Quản trị kinh doanh	525
1201	1114050087	Nguyễn Thị Phương Dung	27/09/2000	D14QK02	Quản trị kinh doanh	725
1202	1114050088	Hoàng Minh Phương	28/01/2000	D14QK02	Quản trị kinh doanh	455
1203	1114050089	Nguyễn Thu Hà	16/10/2000	D14QK02	Quản trị kinh doanh	635
1204	1114050091	Nguyễn Hoài Anh	02/08/2000	D14QK02	Quản trị kinh doanh	695
1205	1114050101	Phan Thị Huyền Linh	13/07/2000	D14QK02	Quản trị kinh doanh	500

SĐT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
1206	1114050104	Lê Ngọc Lan	17/08/2000	D14QK02	Quản trị kinh doanh	450
1207	1114050107	Lê Thị Dương	13/03/2000	D14QK02	Quản trị kinh doanh	755
1208	1114050116	Nguyễn Quang Huy	02/11/2000	D14QK02	Quản trị kinh doanh	575
1209	1114050119	Hà Công Toàn	31/01/2000	D14QK02	Quản trị kinh doanh	520
1210	1114050124	Nguyễn Quỳnh Trang	04/07/2000	D14QK02	Quản trị kinh doanh	480
1211	1114050131	Phạm Thị Tú Anh	29/09/2000	D14QK02	Quản trị kinh doanh	535
1212	1114050389	Nguyễn Thị Phương	25/08/2000	D14QK02	Quản trị kinh doanh	565
1213	1114050133	Phạm Thế Khiêm	14/07/2000	D14QK03	Quản trị kinh doanh	565
1214	1114050140	Phạm Như Quỳnh	14/10/2000	D14QK03	Quản trị kinh doanh	475
1215	1114050141	Trần Nam Anh	11/09/2000	D14QK03	Quản trị kinh doanh	565
1216	1114050143	Đinh Anh Tú	04/01/2000	D14QK03	Quản trị kinh doanh	585
1217	1114050146	Nguyễn Hằng Nga	22/06/2000	D14QK03	Quản trị kinh doanh	665
1218	1114050149	Nguyễn Thị Thủy Quỳnh	20/06/2000	D14QK03	Quản trị kinh doanh	645
1219	1114050159	Lê Xuân Tuấn Anh	11/04/2000	D14QK03	Quản trị kinh doanh	820
1220	1114050163	Đỗ Thu Hương	03/07/2000	D14QK03	Quản trị kinh doanh	810
1221	1114050169	Phạm Đình Khánh Linh	03/09/2000	D14QK03	Quản trị kinh doanh	535
1222	1114050172	Nguyễn Ngọc Tân	14/01/2000	D14QK03	Quản trị kinh doanh	655
1223	1114050175	Đào Tiên Thành	09/04/2000	D14QK03	Quản trị kinh doanh	810
1224	1114050177	Trần Ngọc Tiên	01/05/2000	D14QK03	Quản trị kinh doanh	585
1225	1114050180	Đặng Thế Biên	14/02/2000	D14QK03	Quản trị kinh doanh	810
1226	1114050183	Phạm Ngọc Anh	02/07/2000	D14QK03	Quản trị kinh doanh	635
1227	1114050184	Nguyễn Xuân Dương	07/06/2000	D14QK03	Quản trị kinh doanh	790
1228	1114050189	Nguyễn Mai Trang	07/07/2000	D14QK03	Quản trị kinh doanh	480
1229	1114050193	Nguyễn Duy Sơn	18/09/2000	D14QK03	Quản trị kinh doanh	680
1230	1114050195	Lưu Thu Hương	31/03/2000	D14QK03	Quản trị kinh doanh	740
1231	1114050196	Nguyễn Thị Quỳnh	10/12/2000	D14QK03	Quản trị kinh doanh	740
1232	1114050197	Nguyễn Văn Dũng	28/10/2000	D14QK03	Quản trị kinh doanh	740
1233	1114050198	Nguyễn Công Dũng	12/06/2000	D14QK03	Quản trị kinh doanh	915
1234	1114050199	Lương Trung Hiếu	28/02/2000	D14QK03	Quản trị kinh doanh	500
1235	1114050202	Nguyễn Thị Kiều Trang	11/12/2000	D14QK03	Quản trị kinh doanh	475
1236	1114050203	Nguyễn Thị Tuyết	20/07/2000	D14QK03	Quản trị kinh doanh	745
1237	1114050207	Nguyễn Thùy Linh	18/07/2000	D14QK03	Quản trị kinh doanh	695

SST	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
1238	1114050211	Vũ Thị Huyền	09/08/2000	D14QK04	Quản trị kinh doanh	525
1239	1114050215	Nguyễn Thủy Hiền	03/12/2000	D14QK04	Quản trị kinh doanh	450
1240	1114050233	Nguyễn Thị Thủy Hậu	10/11/2000	D14QK04	Quản trị kinh doanh	755
1241	1114050240	Hoàng Thị Bích	11/11/2000	D14QK04	Quản trị kinh doanh	605
1242	1114050242	Nguyễn Thị Ngọc	17/07/2000	D14QK04	Quản trị kinh doanh	550
1243	1114050245	Nguyễn Khánh Ly	19/08/2000	D14QK04	Quản trị kinh doanh	655
1244	1114050252	Nguyễn Thu Hiền	19/09/2000	D14QK04	Quản trị kinh doanh	490
1245	1114050254	Vũ Thị Trang Nhung	01/09/2000	D14QK04	Quản trị kinh doanh	570
1246	1114050257	Phạm Bùi Quang Hà	30/10/2000	D14QK04	Quản trị kinh doanh	480
1247	1114050259	Nguyễn Kim Ngân	30/01/2000	D14QK04	Quản trị kinh doanh	655
1248	1114050261	Bùi Thị Phương	24/05/2000	D14QK04	Quản trị kinh doanh	550
1249	1114050264	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	23/07/2000	D14QK04	Quản trị kinh doanh	540
1250	1114050267	Nguyễn Thị Phương Doanh	05/12/2000	D14QK04	Quản trị kinh doanh	605
1251	1114050333	Lê Khánh Huyền	09/10/2000	D14QK04	Quản trị kinh doanh	595
1252	1114050388	Nguyễn Thanh Thủy	04/09/2000	D14QK05	Quản trị kinh doanh	480
1253	1114050389	Vũ Thị Hà	12/06/2000	D14QK05	Quản trị kinh doanh	790
1254	1114050390	Ngô Thị Thảo	09/03/2000	D14QK05	Quản trị kinh doanh	870
1255	1114050307	Nguyễn Thành Ngọc	25/07/2000	D14QK05	Quản trị kinh doanh	635
1256	1114050318	Trần Thu Trang	20/04/2000	D14QK05	Quản trị kinh doanh	600
1257	1114050321	Hoàng Thị Thủy	03/06/2000	D14QK05	Quản trị kinh doanh	480
1258	1114050330	Trần Quang Huy	28/09/2000	D14QK05	Quản trị kinh doanh	635
1259	1114050333	Bùi Phương Linh	26/10/2000	D14QK05	Quản trị kinh doanh	340
1260	1114050337	Ngô Trường Giang	22/11/2000	D14QK05	Quản trị kinh doanh	450
1261	1114050341	Hoàng Diệu Ly	30/03/2000	D14QK05	Quản trị kinh doanh	535
1262	1114050346	Lê Thị Thanh Thủy	08/08/2000	D14QK05	Quản trị kinh doanh	825
1263	1114050347	Nguyễn Hồng Hà	10/01/2000	D14QK06	Quản trị kinh doanh	500
1264	1114050352	Hoàng Hải Yến	02/05/2000	D14QK06	Quản trị kinh doanh	705
1265	1114050365	Đinh Thị Phương Lan	18/06/2000	D14QK06	Quản trị kinh doanh	695
1266	1114050368	Nguyễn Thị Trang Nhung	10/01/2000	D14QK06	Quản trị kinh doanh	535
1267	1114050374	Hà Thị Dung	29/09/2000	D14QK06	Quản trị kinh doanh	555
1268	1114050377	Lê Hoàng Long	01/12/2000	D14QK06	Quản trị kinh doanh	655
1269	1114050397	Lê Thị Thủy Dương	21/08/1999	D14QK06	Quản trị kinh doanh	770



SST	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
1270	1114050402	Tổng Thị Anh	31/05/2000	D14QK06	Quản trị kinh doanh	490
1271	1114050406	Trịnh Ngọc Trâm	16/12/2000	D14QK06	Quản trị kinh doanh	770
1272	1114050410	Nguyễn Linh Chi	01/12/2000	D14QK06	Quản trị kinh doanh	625
1273	1114050411	Huỳnh Hồng Hải	06/05/2000	D14QK06	Quản trị kinh doanh	480
1274	1114050420	Nguyễn Thùy Linh	29/07/2000	D14QK06	Quản trị kinh doanh	480
1275	1114050001	Đỗ Phương Thảo	14/11/2000	D14QK07	Quản trị kinh doanh	480
1276	1114050018	Nguyễn Anh Thắng	03/09/2000	D14QK07	Quản trị kinh doanh	680
1277	1114050083	Nguyễn Thị Ngọc Mơ	08/11/2000	D14QK07	Quản trị kinh doanh	575
1278	1114050134	Nguyễn Thị Thanh Huyền	20/12/2000	D14QK07	Quản trị kinh doanh	635
1279	1114050154	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	12/04/2000	D14QK07	Quản trị kinh doanh	505
1280	1114050157	Lưu Minh Hồng	10/11/2000	D14QK07	Quản trị kinh doanh	480
1281	1114050187	Nguyễn Xuân Hợp	13/12/2000	D14QK07	Quản trị kinh doanh	510
1282	1114050239	Đặng Thị Thủy	08/11/2000	D14QK07	Quản trị kinh doanh	570
1283	1114050287	Phan Văn Dũng	22/07/1998	D14QK07	Quản trị kinh doanh	475
1284	1114050324	Nguyễn Mạnh Dũng	19/01/2000	D14QK07	Quản trị kinh doanh	600
1285	1114050339	Nguyễn Thùy Dương	02/06/2000	D14QK07	Quản trị kinh doanh	525
1286	1114050421	Phạm Thị Quỳnh Trang	05/09/2000	D14QK07	Quản trị kinh doanh	505
1287	1114050427	Hoàng Thị Thủy	25/12/2000	D14QK07	Quản trị kinh doanh	695
1288	1114050429	Bùi Văn Định	11/06/2000	D14QK07	Quản trị kinh doanh	820
1289	1114050435	Đoàn Khánh Ly	21/09/2000	D14QK07	Quản trị kinh doanh	665
1290	1114050494	Nguyễn Thị Phương	27/07/2000	D14QK07	Quản trị kinh doanh	625
1291	1114050041	Trần Mạnh Hồng	29/11/2000	D14QK08	Quản trị kinh doanh	810
1292	1114050442	Bạch Thị Thanh Hằng	14/11/2000	D14QK08	Quản trị kinh doanh	540
1293	1114050444	Nguyễn Thị Trang	25/01/2000	D14QK08	Quản trị kinh doanh	810
1294	1114050450	Phạm Thùy Trang	31/10/2000	D14QK08	Quản trị kinh doanh	635
1295	1114050454	Nguyễn Thanh Thu	18/04/2000	D14QK08	Quản trị kinh doanh	515
1296	1114050462	Phạm Thị Thương	22/07/2000	D14QK08	Quản trị kinh doanh	655
1297	1114050468	Đinh Thị Linh Chi	17/04/1998	D14QK08	Quản trị kinh doanh	780
1298	1114050472	Vũ Thị Hồng Huệ	11/10/2000	D14QK08	Quản trị kinh doanh	680
1299	1114050479	Nguyễn Thị Chung	02/09/2000	D14QK08	Quản trị kinh doanh	480
1300	1114050482	Đỗ Tiến Dũng	27/12/2000	D14QK08	Quản trị kinh doanh	780
1301	1114050492	Ngô Thị Khánh	20/05/2000	D14QK08	Quản trị kinh doanh	535

Số	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
1302	1114050500	Nguyễn Quang Hải	03/05/2000	D14QK08	Quản trị kinh doanh	480
1303	1114050501	Trần Thị Thủy Linh	26/05/2000	D14QK08	Quản trị kinh doanh	525
1304	1114010002	Đào Thị Thuý Hằng	10/12/2000	D14QL01	Quản trị nhân lực	595
1305	1114010011	Trần Thị Hồng Nhung	01/01/2000	D14QL01	Quản trị nhân lực	480
1306	1114010019	Mai Thị Mỹ Duyên	22/02/2000	D14QL01	Quản trị nhân lực	550
1307	1114010033	Nguyễn Thị Thanh Thủy	27/07/2000	D14QL01	Quản trị nhân lực	705
1308	1114010035	Nguyễn Thị Hồng	15/12/1999	D14QL01	Quản trị nhân lực	800
1309	1114010037	Nguyễn Thị Khánh Vân	16/10/2000	D14QL01	Quản trị nhân lực	725
1310	1114010043	Lê Thị Thu Thủy	24/12/2000	D14QL01	Quản trị nhân lực	595
1311	1114010047	Nguyễn Thị Thanh Thủy	15/05/2000	D14QL01	Quản trị nhân lực	645
1312	1114010050	Tô Diễm Quỳnh	09/10/2000	D14QL01	Quản trị nhân lực	535
1313	1114010053	Nguyễn Thị Lý	09/11/2000	D14QL01	Quản trị nhân lực	570
1314	1114010058	Nguyễn Quốc Khánh	06/09/2000	D14QL01	Quản trị nhân lực	400
1315	1114010059	Lê Thị Bích Loan	16/09/2000	D14QL01	Quản trị nhân lực	625
1316	1114010061	Nguyễn Thị Hiền	02/11/2000	D14QL01	Quản trị nhân lực	570
1317	1114010063	Nguyễn Thị Thuý	28/02/2000	D14QL01	Quản trị nhân lực	600
1318	1114010068	Phạm Hương Thu	12/05/2000	D14QL01	Quản trị nhân lực	625
1319	1114010071	Nguyễn Thị Thu Thảo	04/10/2000	D14QL02	Quản trị nhân lực	480
1320	1114010072	Trần Hà Thu	13/07/2000	D14QL02	Quản trị nhân lực	480
1321	1114010073	Nguyễn Thị Thu Uyên	15/01/2000	D14QL02	Quản trị nhân lực	870
1322	1114010074	Phí Nguyệt Linh	24/07/2000	D14QL02	Quản trị nhân lực	770
1323	1114010083	Lê Thủy Linh	08/04/2000	D14QL02	Quản trị nhân lực	635
1324	1114010085	Trần Thu Trang	19/01/2000	D14QL02	Quản trị nhân lực	630
1325	1114010106	Phan Thủy Hằng	26/05/2000	D14QL02	Quản trị nhân lực	580
1326	1114010108	Hà Khánh Phương	11/03/2000	D14QL02	Quản trị nhân lực	570
1327	1114010109	Nguyễn Thị Linh	19/09/2000	D14QL02	Quản trị nhân lực	760
1328	1114010110	Lưu Thị Hồng An	11/05/2000	D14QL02	Quản trị nhân lực	855
1329	1114010111	Đỗ Thị Như Thảo	28/02/2000	D14QL02	Quản trị nhân lực	675
1330	1114010118	Đào Duy Hạnh Nguyễn	14/11/2000	D14QL02	Quản trị nhân lực	806
1331	1114010129	Đào Kỳ Anh	16/08/2000	D14QL02	Quản trị nhân lực	655
1332	1114010134	Nguyễn Thị Thu	19/07/2000	D14QL02	Quản trị nhân lực	625
1333	1114010135	Nguyễn Thị Hà	06/01/2000	D14QL02	Quản trị nhân lực	420

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
1334	1114010147	Nguyễn Thị Lan Anh	25/08/2000	D14QL02	Quản trị nhân lực	395
1335	1114010616	Âu Bích Loan	24/01/2000	D14QL02	Quản trị nhân lực	450
1336	1114010136	Nguyễn Thị Thuà	28/09/2000	D14QL03	Quản trị nhân lực	450
1337	1114010138	Nguyễn Bảo Vân	15/01/2000	D14QL03	Quản trị nhân lực	420
1338	1114010140	Nguyễn Kiều Trinh	21/07/2000	D14QL03	Quản trị nhân lực	315
1339	1114010148	Phạm Phương Thủy	01/12/2000	D14QL03	Quản trị nhân lực	820
1340	1114010153	Mai Thu Phương	06/09/2000	D14QL03	Quản trị nhân lực	680
1341	1114010155	Nguyễn Thị Huyền Trang	23/11/2000	D14QL03	Quản trị nhân lực	810
1342	1114010157	Nguyễn Thị Lan Anh	18/12/2000	D14QL03	Quản trị nhân lực	560
1343	1114010158	Nguyễn Phương Thảo	12/08/2000	D14QL03	Quản trị nhân lực	510
1344	1114010165	Nguyễn Tùng Lâm	29/11/2000	D14QL03	Quản trị nhân lực	625
1345	1114010169	Đôi Lệ Thủy	04/10/2000	D14QL03	Quản trị nhân lực	500
1346	1114010170	Phạm Thảo Vân	11/12/2000	D14QL03	Quản trị nhân lực	500
1347	1114010172	Lê Thị Minh Thủy	03/10/2000	D14QL03	Quản trị nhân lực	340
1348	1114010178	Nguyễn Thị Bảo Sơn	15/03/2000	D14QL03	Quản trị nhân lực	825
1349	1114010179	Nguyễn Thị Ngọc Anh	25/07/2000	D14QL03	Quản trị nhân lực	450
1350	1114010180	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	04/01/2000	D14QL03	Quản trị nhân lực	540
1351	1114010180	Nguyễn Lương Diệu Linh	20/07/2000	D14QL03	Quản trị nhân lực	570
1352	1114010185	Bùi Thị Hằng Nga	10/03/2000	D14QL03	Quản trị nhân lực	480
1353	1114010190	Khúc Hoàng Tùng Lâm	25/08/2000	D14QL03	Quản trị nhân lực	595
1354	1114010194	Nguyễn Thị Mỹ Linh	25/10/2000	D14QL03	Quản trị nhân lực	750
1355	1114010205	Đỗ Thu Phương	28/04/2000	D14QL03	Quản trị nhân lực	420
1356	1114010220	Nguyễn Thị Phương	25/07/2000	D14QL04	Quản trị nhân lực	655
1357	1114010222	Nguyễn Xuân Đông	05/08/2000	D14QL04	Quản trị nhân lực	425
1358	1114010236	Ngô Thúy Hằng	21/11/2000	D14QL04	Quản trị nhân lực	915
1359	1114010239	Nguyễn Đoàn Tú Uyên	18/12/2000	D14QL04	Quản trị nhân lực	385
1360	1114010243	Nguyễn Thị Xuân	03/11/2000	D14QL04	Quản trị nhân lực	540
1361	1114010246	Tạ Thị Kim Thủy	08/02/2000	D14QL04	Quản trị nhân lực	480
1362	1114010248	Nguyễn Thanh Bình	02/08/2000	D14QL04	Quản trị nhân lực	770
1363	1114010251	Trần Quỳnh Như	25/11/2000	D14QL04	Quản trị nhân lực	600
1364	1114010252	Hương Lê Phương Thảo	16/07/2000	D14QL04	Quản trị nhân lực	480
1365	1114010256	Nguyễn Thị Thu Phương	18/09/2000	D14QL04	Quản trị nhân lực	570

2

Sst	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
1366	1114010270	Nguyễn Ngọc Thủy Linh	15/09/2000	D14QL04	Quản trị nhân lực	770
1367	1114010275	Luân Thị Phương Thủy	26/11/2000	D14QL04	Quản trị nhân lực	480
1368	1114010277	Ngô Ngọc Minh	23/06/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	500
1369	1114010289	Lê Thị Lan Phương	06/12/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	490
1370	1114010290	Đinh Mạnh Đạt	01/01/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	930
1371	1114010292	Phan Thị Ngần	02/09/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	400
1372	1114010293	Phạm Thị Mỹ Duyên	24/11/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	505
1373	1114010294	Thái Thị Giang	14/11/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	535
1374	1114010298	Đào Thị Phương	17/12/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	620
1375	1114010299	Lê Thị Lan	01/10/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	575
1376	1114010301	Phạm Thị Thùy Trang	20/07/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	480
1377	1114010309	Trần Thanh Thủy	29/07/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	525
1378	1114010315	Nguyễn Kim Duyên	11/12/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	535
1379	1114010319	Nguyễn Thị Hồng Nhung	29/07/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	480
1380	1114010322	Trần Nguyễn Huyền My	17/08/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	620
1381	1114010326	Đinh Công Sang	20/12/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	655
1382	1114010329	Vũ Thị Hương Ly	24/12/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	565
1383	1114010331	Nguyễn Thị Thê Phương	08/11/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	420
1384	1114010333	Nguyễn Tiểu Ly	16/12/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	685
1385	1114010334	Đỗ Ngọc Hà	16/11/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	540
1386	1114010335	Ngô Huyền Trang	21/03/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	425
1387	1114010340	Tô Thị Thu Phương	01/12/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	790
1388	1114010344	Nguyễn Thị Trang	13/02/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	400
1389	1114010345	Ngô Thị Ngọc Ánh	19/04/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	610
1390	1114010347	Vũ Thảo My	26/06/2000	D14QL05	Quản trị nhân lực	540
1391	1114010352	Phạm Thị Hà Dung	02/07/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	420
1392	1114010353	Trần Thị Thảo	22/11/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	755
1393	1114010361	Nguyễn Hoàng Linh	02/01/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	730
1394	1114010368	Nguyễn Thị Hương	09/10/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	425
1395	1114010371	Nguyễn Thu Phương	13/08/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	480
1396	1114010374	Nguyễn Thị Thìn	15/05/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	680
1397	1114010376	Hà Bích Phương	12/04/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	555

Sr	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
1398	1114010382	Bùi Thành Đạt	20/05/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	685
1399	1114010384	Nguyễn Tô Uyên	28/04/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	420
1400	1114010386	Nguyễn Thị Thanh Thanh	28/03/1999	D14QL06	Quản trị nhân lực	593
1401	1114010387	Đặng Thị Thùy	25/11/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	705
1402	1114010390	Kim Khánh Linh	17/12/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	540
1403	1114010391	Nguyễn Thị Phương Anh	14/07/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	420
1404	1114010395	Lê Thị Ngọc Anh	02/05/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	420
1405	1114010396	Nguyễn Minh Hằng	01/01/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	575
1406	1114010397	Vũ Bảo Ngọc	12/08/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	420
1407	1114010398	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	01/03/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	855
1408	1114010403	Nguyễn Tuấn Đạt	20/10/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	490
1409	1114010405	Trần Đức Nhân	14/05/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	475
1410	1114010406	Nguyễn Đình Long	03/05/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	565
1411	1114010407	Lê Công Minh	26/04/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	595
1412	1114010410	Tiền Thị Thu Thảo	19/09/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	715
1413	1114010414	Vũ Thảo Nguyễn	17/10/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	410
1414	1114010415	Lê Thị Khánh Linh	02/09/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	480
1415	1114010417	Hoàng Minh Châu	08/02/2000	D14QL06	Quản trị nhân lực	515
1416	1114010419	Bùi Thị Hằng	09/10/2000	D14QL07	Quản trị nhân lực	610
1417	1114010426	Phạm Thị Đào	20/02/2000	D14QL07	Quản trị nhân lực	680
1418	1114010429	Vũ Thị Hương	12/10/2000	D14QL07	Quản trị nhân lực	655
1419	1114010439	Trần Thị Hạnh	15/01/2000	D14QL07	Quản trị nhân lực	595
1420	1114010442	Đinh Thị Mai Hiền	05/06/2000	D14QL07	Quản trị nhân lực	565
1421	1114010455	Đỗ Thị Hồng Hiền	25/01/2000	D14QL07	Quản trị nhân lực	515
1422	1114010458	Bùi Thị Thu Trang	11/06/2000	D14QL07	Quản trị nhân lực	480
1423	1114010459	Nguyễn Linh Đan	23/09/2000	D14QL07	Quản trị nhân lực	480
1424	1114010462	Vũ Thành Nam	03/02/2000	D14QL07	Quản trị nhân lực	600
1425	1114010472	Nguyễn Thị Bích Hạnh	17/09/2000	D14QL07	Quản trị nhân lực	480
1426	1114010473	Nguyễn Thị Huyền Trang	04/10/2000	D14QL07	Quản trị nhân lực	480
1427	1114010500	Trương Thị Mai Thanh	06/09/2000	D14QL07	Quản trị nhân lực	595
1428	1114010489	Nguyễn Thị Tuyết	03/12/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	420
1429	1114010490	Nguyễn Thị Thủy Tiên	07/09/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	585

SST	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
1430	1114010491	Vũ Thị Hào	10/01/1998	D14QL08	Quản trị nhân lực	480
1431	1114010493	Vũ Thị Ánh	09/05/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	545
1432	1114010494	Trần Bảo Ngọc	26/07/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	495
1433	1114010495	Vũ Thị Vũ	01/10/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	410
1434	1114010501	Đoàn Thị Thanh Mai	24/03/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	480
1435	1114010504	Đỗ Quỳnh Hoa	17/07/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	410
1436	1114010506	Trần Thị Giáng	25/02/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	540
1437	1114010509	Đinh Thị Yến	15/04/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	820
1438	1114010513	Trần Duy Lân	18/05/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	770
1439	1114010517	Phạm Xuân Anh	24/07/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	515
1440	1114010520	Nghiêm Thị Liên	28/04/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	710
1441	1114010521	Nguyễn Thành Hưng	20/02/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	680
1442	1114010524	Vương Thị Tuyết	12/12/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	540
1443	1114010525	Lê Thị Hà	15/05/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	535
1444	1114010529	Bùi Thanh Sơn	21/08/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	620
1445	1114010534	Trần Thị Mỹ Linh	13/03/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	655
1446	1114010535	Nghiêm Xuân Quyền	15/11/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	625
1447	1114010540	Nguyễn Đoàn Thái Huy	03/12/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	480
1448	1114010541	Lê Thị Thu Uyên	28/09/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	575
1449	1114010542	Nguyễn Thị Hậu	13/08/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	455
1450	1114010544	Nguyễn Việt Dương	30/07/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	715
1451	1114010546	Vũ Việt Thắng	18/07/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	680
1452	1114010547	Nguyễn Mậu Tùng	23/01/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	790
1453	1114010554	Nguyễn Thị Minh Hà	07/04/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	655
1454	1114010555	Nguyễn Ngọc Ánh	27/06/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	680
1455	1114010556	Nguyễn Thị Tâm	16/06/2000	D14QL08	Quản trị nhân lực	480
1456	1114010561	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	17/05/2000	D14QL09	Quản trị nhân lực	645
1457	1114010562	Lê Thị Huyền	20/09/2000	D14QL09	Quản trị nhân lực	600
1458	1114010576	Nguyễn Phương Linh	07/09/2000	D14QL09	Quản trị nhân lực	450
1459	1114010579	Đặng Thị Châm	26/11/2000	D14QL09	Quản trị nhân lực	625
1460	1114010587	Đinh Hòa Ngọc Linh	28/01/2000	D14QL09	Quản trị nhân lực	610
1461	1114010613	Nguyễn Thị Hằng	03/10/1998	D14QL09	Quản trị nhân lực	450

SĐT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
1463	1114010630	Trần Vĩnh Sơn	28/09/2000	D14QL10	Quản trị nhân lực	820
1463	1114010632	Trần Thị Hồng Hạnh	24/01/2000	D14QL10	Quản trị nhân lực	745
1464	1114010635	Hoàng Nhật Tân	12/11/2000	D14QL10	Quản trị nhân lực	480
1465	1114010642	Trần Thị Thu Thơm	21/10/2000	D14QL10	Quản trị nhân lực	420
1466	1114010644	Vũ Thủy Dương	03/05/2000	D14QL10	Quản trị nhân lực	810
1467	1114010647	Trần Thị Hương	04/10/2000	D14QL10	Quản trị nhân lực	915
1468	1114010654	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	19/05/2000	D14QL10	Quản trị nhân lực	600
1469	1114010656	Nguyễn Thị Thủy	10/01/2000	D14QL10	Quản trị nhân lực	780
1470	1114010659	Trần Thị Hồng Duyên	22/01/2000	D14QL10	Quản trị nhân lực	420
1471	1114010660	Nguyễn Phạm Thủy Trinh	19/09/2000	D14QL10	Quản trị nhân lực	810
1472	1114010663	Nguyễn Thủy Linh	23/11/2000	D14QL10	Quản trị nhân lực	635
1473	1114010665	Ngô Thị Minh Hằng	01/11/2000	D14QL10	Quản trị nhân lực	755
1474	1114010672	Nguyễn Thị Thủy Dung	22/12/2000	D14QL10	Quản trị nhân lực	620
1475	1114010675	Nguyễn Thị Thu Trang	07/07/2000	D14QL10	Quản trị nhân lực	820
1476	1114010678	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	13/06/2000	D14QL10	Quản trị nhân lực	450
1477	1114010681	Lô Thị Ánh Diệp	22/10/2000	D14QL10	Quản trị nhân lực	595
1478	1114040173	Lê Thị Huyền Quach	21/02/1999	D14STCT01	Công tác xã hội	585
1479	1114010693	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	22/03/2000	D14STQL01	Quản trị nhân lực	600
1480	1114010694	Vũ Phương Anh	21/01/2000	D14STQL01	Quản trị nhân lực	820
1481	1114010696	Đào Khánh Huyền	23/06/2000	D14STQL01	Quản trị nhân lực	510
1482	1114010699	Phạm Thanh Tùng	06/07/2000	D14STQL01	Quản trị nhân lực	595
1483	1114010706	Nguyễn Thị Thu Hương	20/06/2000	D14STQL01	Quản trị nhân lực	595
1484	1114070017	Dương Thu Trang	26/07/2000	D14TL01	Tâm lý học	425
1485	1114070032	Dương Đình Tùng	07/03/2000	D14TL01	Tâm lý học	525
1486	1114070066	Bùi Quang Thạch	09/12/2000	D14TL01	Tâm lý học	480
1487	1114070074	Đào Thị Quỳnh Trang	08/09/2000	D14TL02	Tâm lý học	450
1488	1114070076	Nguyễn Thị Ngân	03/10/2000	D14TL02	Tâm lý học	450
1489	1114070079	Bùi Thị Toán	07/10/1999	D14TL02	Tâm lý học	800
1490	1114070086	Nguyễn Thị Hằng	20/04/2000	D14TL02	Tâm lý học	825
1491	1114070098	Trần Phương Chi	09/01/2000	D14TL02	Tâm lý học	730
V	ĐẠI HỌC KHÓA 15					
1492	1115030004	Hoàng Thị Phương Anh	09/09/2001	D15BH01	Bảo hiểm	620

Sr	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
1493	1115030009	Hoàng Thị Bích Ngọc	01/06/2001	D15BH01	Bảo hiểm	620
1494	1115030015	Phạm Thị Thanh Ngọc	20/01/2001	D15BH01	Bảo hiểm	405
1495	1115030023	Đặng Thu Hà	10/10/2001	D15BH01	Bảo hiểm	595
1496	1115030025	Trần Hà Linh	05/05/2001	D15BH01	Bảo hiểm	710
1497	1115030039	Nguyễn Thị Duyên	26/12/2001	D15BH01	Bảo hiểm	505
1498	1115040032	Phạm Thị Giang	02/03/2001	D15CT01	Công tác xã hội	600
1499	1115020002	Trần Thảo Anh	22/02/2001	D15KT01	Kế toán	535
1500	1115020012	Đài Thị Phương	30/03/2001	D15KT01	Kế toán	540
1501	1115020017	Đài Thị Huyền	04/06/2001	D15KT01	Kế toán	535
1502	1115020019	Nguyễn Thị Nguyễn Nga	05/02/2001	D15KT01	Kế toán	840
1503	1115020020	Trần Thị Như	11/08/2001	D15KT01	Kế toán	450
1504	1115020023	Đặng Thị Khánh Linh	02/01/2001	D15KT01	Kế toán	760
1505	1115020029	Hoàng Ngọc Nhi	29/11/2001	D15KT01	Kế toán	695
1506	1115020034	Nguyễn Thị Minh Hòa	30/12/2001	D15KT01	Kế toán	710
1507	1115020048	Nguyễn Thị Hồng Hoàn	02/09/2001	D15KT01	Kế toán	595
1508	1115020052	Nguyễn Ngọc Minh Châu	03/05/2001	D15KT01	Kế toán	505
1509	1115020004	Lương Thu Trang	06/01/2001	D15KT01	Kế toán	475
1510	1115020072	Mai Thị Diệu Linh	13/04/2001	D15KT02	Kế toán	740
1511	1115020074	Nguyễn Thị Thu Huyền	08/12/2001	D15KT02	Kế toán	405
1512	1115020083	Đỗ Minh Khuê	08/07/2001	D15KT02	Kế toán	480
1513	1115020101	Đặng Yến Vi	24/09/2001	D15KT02	Kế toán	800
1514	1115020107	Trần Thị Thanh Huyền	15/04/2001	D15KT02	Kế toán	770
1515	1115020111	Nguyễn Thị Minh Hiền	19/08/2001	D15KT02	Kế toán	600
1516	1115020113	Trần Thị Hương	01/06/2001	D15KT02	Kế toán	575
1517	1115020115	Nguyễn Thị Hằng Nga	30/11/2001	D15KT02	Kế toán	510
1518	1115020171	Lê Đỗ Yến Nhi	07/02/2001	D15KT03	Kế toán	420
1519	1115020205	Mai Thu Phương	17/12/2001	D15KT04	Kế toán	645
1520	1115020227	Trần Thị Ngọc Ánh	01/12/2001	D15KT04	Kế toán	600
1521	1115020238	Diễn Thị Thu Hiền	19/08/2001	D15KT04	Kế toán	425
1522	1115020239	Lê Thị Phương	23/11/2001	D15KT04	Kế toán	635
1523	1115020261	Lê Thị Nguyệt	06/02/2001	D15KT04	Kế toán	420
1524	1115020663	Hoàng Thị Hà	14/01/2001	D15KT04	Kế toán	525

SĐT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm T03C
1525	1115020271	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	17/10/2001	D15KT05	Kế toán	670
1526	1115020284	Đặng Thị Thu Hiền	02/04/2001	D15KT05	Kế toán	655
1527	1115020309	Phạm Bích Ngọc	31/05/2001	D15KT05	Kế toán	600
1528	1115020316	Tạ Thùy Trang	15/09/2001	D15KT05	Kế toán	670
1529	1115020326	Nguyễn Hồng Giang	21/12/2001	D15KT06	Kế toán	425
1530	1115020420	Nguyễn Lê Hà Trang	26/09/2001	D15KT07	Kế toán	755
1531	1115020441	Nguyễn Thu Uyên	14/10/2001	D15KT07	Kế toán	480
1532	1115020467	Nguyễn Phương Linh	20/06/2001	D15KT08	Kế toán	810
1533	1115020474	Đỗ Thị Thu	11/04/2001	D15KT08	Kế toán	480
1534	1115020494	Nguyễn Phương Thảo	18/05/2001	D15KT08	Kế toán	585
1535	1115020500	Đỗ Thị Quyên	01/09/2001	D15KT08	Kế toán	730
1536	1115020503	Phạm Thị Thùy Linh	28/04/2001	D15KT08	Kế toán	645
1537	1115020577	Đỗ Thu Trang	10/11/1998	D15KT09	Kế toán	595
1538	1115020649	Phạm Thị Phương Trang	17/08/2001	D15KT10	Kế toán	635
1539	1115020668	Võ Phương Anh	10/08/2001	D15KT10	Kế toán	695
1540	1115080011	Hoàng Thu Hà	12/06/2001	D15LK01	Luật kinh tế	770
1541	1115080015	Nguyễn Đình Huy	09/06/2001	D15LK01	Luật kinh tế	515
1542	1115080034	Lê Thị Ngọc Ánh	23/01/2001	D15LK01	Luật kinh tế	420
1543	1115080042	Nguyễn Thị Hoa	30/03/2001	D15LK01	Luật kinh tế	475
1544	1115080053	Lưu Mỹ Ngọc	21/09/2001	D15LK01	Luật kinh tế	610
1545	1115080064	Lê Mai Chi	19/08/2001	D15LK01	Luật kinh tế	765
1546	1115080070	Nguyễn Hải Nam	21/09/2001	D15LK01	Luật kinh tế	695
1547	1115080085	Nguyễn Việt Đức	21/02/2001	D15LK02	Luật kinh tế	425
1548	1115080093	Nguyễn Thị Kim Chi	01/05/2001	D15LK02	Luật kinh tế	420
1549	1115080099	Đàm Thị Phương Lam	28/02/2001	D15LK02	Luật kinh tế	655
1550	1115080058	Nguyễn Văn Tuyền	06/12/1997	D15LK03	Luật kinh tế	420
1551	1115080167	Phạm Thị Hương Thảo	21/12/2001	D15LK03	Luật kinh tế	800
1552	1115050016	Trần Tuấn Anh	08/08/2001	D15QK01	Quản trị kinh doanh	480
1553	1115050022	Nguyễn Việt Anh	09/07/2001	D15QK01	Quản trị kinh doanh	770
1554	1115050023	Hoàng Thị Như Quỳnh	25/01/2001	D15QK01	Quản trị kinh doanh	695
1555	1115050030	Tạ Thị Hồng Thanh	23/11/2001	D15QK01	Quản trị kinh doanh	755
1556	1115050035	Từ Đức Thắng	15/02/2001	D15QK01	Quản trị kinh doanh	630



SST	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
1553	1115050036	Trần Thanh Sơn	23/06/2001	D15QK01	Quản trị kinh doanh	715
1558	1115050041	Lê Thị Tuyền	16/03/2001	D15QK01	Quản trị kinh doanh	535
1559	1115050043	Lê Phương Thảo	26/08/2001	D15QK01	Quản trị kinh doanh	705
1560	1115050044	Phan Thùy Trang	12/05/2001	D15QK01	Quản trị kinh doanh	625
1561	1115050054	Nguyễn Thị Mai Hồng	05/09/2001	D15QK01	Quản trị kinh doanh	695
1563	1115050055	Nguyễn Thị Thu Hoài	02/10/2001	D15QK01	Quản trị kinh doanh	740
1563	1115050095	Trần Diệp Hạ	09/09/2001	D15QK02	Quản trị kinh doanh	525
1564	1115050103	Nguyễn Thị Ngọc Mai	19/01/2001	D15QK02	Quản trị kinh doanh	695
1565	1115050112	Nguyễn Thị Thủy Linh	11/12/2001	D15QK02	Quản trị kinh doanh	510
1566	1115050125	Nguyễn Thị Tân	06/09/2001	D15QK02	Quản trị kinh doanh	755
1567	1115050133	Phạm Thị Huyền	09/06/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	745
1568	1115050139	Nguyễn Thu Hà	29/05/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	585
1569	1115050140	Nguyễn Thị Oanh	19/08/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	540
1570	1115050144	Lê Thị Phương	18/06/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	695
1571	1115050145	Nguyễn Huyền Trang	06/02/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	885
1572	1115050146	Trần Thị Thủy Vân	23/05/2000	D15QK03	Quản trị kinh doanh	555
1573	1115050151	Nguyễn Thanh Thủy	14/04/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	730
1574	1115050155	Nguyễn Anh Thư	19/01/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	575
1575	1115050157	Phạm Ngọc Đăng	10/09/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	505
1576	1115050179	Phạm Thị Phương Loan	05/02/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	810
1577	1115050465	Nguyễn Thị Chính	20/01/2001	D15QK03	Quản trị kinh doanh	620
1578	1115050202	Đỗ Thanh Huyền	24/09/2001	D15QK04	Quản trị kinh doanh	710
1579	1115050219	Nguyễn Thảo Anh	08/02/2001	D15QK04	Quản trị kinh doanh	475
1580	1115050237	Nguyễn Thị Hà	10/11/2001	D15QK04	Quản trị kinh doanh	645
1581	1115050454	Nguyễn Thanh Giang	27/08/2001	D15QK04	Quản trị kinh doanh	480
1582	1115050487	Nguyễn Thu Hòa	11/01/2001	D15QK04	Quản trị kinh doanh	645
1583	1115050282	Nguyễn Đức Anh	25/07/2001	D15QK05	Quản trị kinh doanh	585
1584	1115050321	Phạm Mai Linh	15/08/2001	D15QK06	Quản trị kinh doanh	770
1585	1115050339	Phạm Thùy Dung	31/12/2001	D15QK06	Quản trị kinh doanh	755
1586	1115050347	Vũ Việt Hoàng	05/07/2001	D15QK06	Quản trị kinh doanh	565
1587	1115050375	Chau Thị Huyền Trang	26/08/2001	D15QK06	Quản trị kinh doanh	485
1588	1115050425	Hải Phương Anh	09/08/2001	D15QK07	Quản trị kinh doanh	900

SST	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
1589	1115050429	Phuong Thu Ha	12/03/2001	D15QK07	Quản trị kinh doanh	625
1590	1115050442	Lac Hoang Anh	15/11/2001	D15QK07	Quản trị kinh doanh	810
1591	1115050459	Nguyễn Phương Thu	14/10/2001	D15QK07	Quản trị kinh doanh	655
1592	1115050463	Nguyễn Thái Thành	05/03/2001	D15QK07	Quản trị kinh doanh	645
1593	1115010001	Võ Đức Mạnh	20/11/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	740
1594	1115010009	Đinh Hồng Nhung	11/03/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	540
1595	1115010021	Nguyễn Thanh Bình	13/08/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	715
1596	1115010025	Nguyễn Thành Công	29/01/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	480
1597	1115010032	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	27/05/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	575
1598	1115010035	Nguyễn Kim Mai Anh	10/12/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	635
1599	1115010036	Đinh Thị Phương Thảo	13/04/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	420
1600	1115010038	Nguyễn Cẩm Tô	30/12/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	415
1601	1115010039	Vũ Thị Kim Chi	20/09/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	535
1602	1115010042	Vũ Ngọc Thủy	02/09/2001	D15QL01	Quản trị nhân lực	420
1603	1115010108	Nguyễn Thị Mai Linh	08/09/2000	D15QL02	Quản trị nhân lực	615
1604	1115010164	Lỗ Thị Hằng	19/06/2001	D15QL03	Quản trị nhân lực	505
1605	1115010176	Vũ Thị Thủy	13/02/2001	D15QL03	Quản trị nhân lực	490
1606	1115010218	Hoàng Minh Tâm	07/12/2001	D15QL04	Quản trị nhân lực	760
1607	1115010234	Lê Thị Thu Hiền	13/09/2001	D15QL04	Quản trị nhân lực	475
1608	1115010235	Trần Phương Linh	28/04/2001	D15QL04	Quản trị nhân lực	550
1609	1115010236	Nguyễn Thị Thùy Hiền	04/04/2001	D15QL04	Quản trị nhân lực	450
1610	1115010241	Dương Lệ Quyên	23/08/2001	D15QL04	Quản trị nhân lực	535
1611	1115010246	Vũ Thị Uyên Nhi	03/09/2001	D15QL04	Quản trị nhân lực	480
1612	1115010249	Phan Thủy Linh	07/03/2001	D15QL04	Quản trị nhân lực	455
1613	1115010251	Nguyễn Thị Phương Anh	11/06/2001	D15QL04	Quản trị nhân lực	585
1614	1115010273	Đào Huệ Anh	19/03/2001	D15QL05	Quản trị nhân lực	405
1615	1115010312	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	16/08/2001	D15QL05	Quản trị nhân lực	655
1616	1115010315	Bà Giang Linh	17/10/2001	D15QL05	Quản trị nhân lực	740
1617	1115010337	Nguyễn Thị Quỳnh	29/09/2001	D15QL06	Quản trị nhân lực	540
1618	1115010357	Đinh Anh Thơ	11/08/2001	D15QL06	Quản trị nhân lực	770
1619	1115010358	Nguyễn Thị Ngọc Anh	18/01/2001	D15QL06	Quản trị nhân lực	770
1620	1115010359	Lê Ngọc Anh	12/04/2001	D15QL06	Quản trị nhân lực	475

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Ngành đào tạo	Điểm TOEIC
1621	1115010363	Nguyễn Thị Thủy	02/03/2001	D15QL06	Quản trị nhân lực	730
1622	1115010364	Bùi Thị Quỳnh	28/08/2001	D15QL06	Quản trị nhân lực	770
1623	1115010368	Trần Thị Hương	18/09/2001	D15QL06	Quản trị nhân lực	420
1624	1115010433	Phạm Phương Thảo	07/11/2001	D15QL07	Quản trị nhân lực	880
1625	1115010441	Lại Phương Thủy	12/09/2001	D15QL07	Quản trị nhân lực	900
1626	1115010450	Kiểu Gia Khánh	21/10/2001	D15QL07	Quản trị nhân lực	480
1627	1115010488	Nguyễn Khánh Linh	13/07/2001	D15QL08	Quản trị nhân lực	595
1628	1115070078	Đặng Ngọc Hà	21/06/2001	D15TL02	Tâm lý học	425

VI ĐẠI HỌC KHÓA 16

1629	1116030061	Nguyễn Thị Hải Anh	27/07/2002	D16BH01	Bảo hiểm	725
1630	1116020197	Nguyễn Thủy Linh	16/03/2002	D16KT03	Kế toán	855
1631	1116020200	Đặng Thị Thu	26/07/2002	D16KT03	Kế toán	655
1632	1116020201	Đặng Huyền Diệu	27/12/2002	D16KT03	Kế toán	825
1633	1116020364	An Quỳnh Hòa	19/01/2002	D16KT06	Kế toán	820
1634	1116080136	Nguyễn Ngọc Tùng	26/03/2002	D16LK03	Luật kinh tế	480
1635	1116010078	Phạm Quang Thành	08/05/2000	D16QL02	Quản trị nhân lực	730
1636	1116010549	Bùi Hồng Thắm	27/12/2002	D16QL08	Quản trị nhân lực	705
1637	1116010566	Thân Thị Thân	31/03/2002	D16QL09	Quản trị nhân lực	420
1638	1116010763	Nguyễn Hoàng Mai	25/12/2002	D16QL11	Quản trị nhân lực	770
1639	1116010823	Nguyễn Quỳnh Giao	10/04/2002	D16QL12	Quản trị nhân lực	540
1640	1116100099	Ngô Thị Bích Ngọc	06/11/2002	D16TC02	Tài chính ngân hàng	715

V ĐẠI HỌC KHÓA 17

1641	1117013201	Nguyễn Tiến Thạch	13/12/2003	D17QL11	Quản trị nhân lực	600
------	------------	-------------------	------------	---------	-------------------	-----

Danh sách này có 1641 sinh viên./

THIỆU TRƯỞNG

T.S. Hà Xuân Hùng